

1.1 Setting project

Setting project là chức năng thiết lập cài đặt cho dự án. **Người dùng cần thiết lập các thông số như environment, version, module... cho dự án trước khi tạo mới các kịch bản kiểm thử tự động.**

1.1.1 Môi trường (Environment)

1.1.1.1 Tổng quan về môi trường trong Centralize Automation Testing Suite

Là môi trường hệ thống nơi phần mềm được triển khai để kiểm thử hoặc vận hành. Mỗi môi trường đại diện cho một giai đoạn cụ thể trong quy trình phát triển phần mềm. Các loại môi trường phổ biến như:

- + Development: dành cho lập trình viên phát triển và kiểm tra nhanh các thay đổi (unit test).
- + Testing / QA: dành cho kiểm thử chức năng, kiểm thử tích hợp, do đội QA thực hiện.
- + UAT-User Acceptance Testing: môi trường cho người dùng chấp nhận phần mềm.
- + Production: môi trường thực tế, nơi phần mềm phục vụ người dùng cuối.

Tại sao cần phải có môi trường kiểm thử?

Trong quá trình tạo mới hoặc thực thi Test Case, Test Script, việc xác định môi trường là cần thiết để đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của kết quả kiểm thử. Qua đó, người dùng có thể đánh giá mức độ hoàn thiện và tỷ lệ lỗi của ứng dụng theo từng môi trường cụ thể. Bên cạnh đó, các giá trị như URL, cấu hình... thường thay đổi theo môi trường, nên việc sử dụng tham số môi trường sẽ giúp kiểm thử linh hoạt và dễ quản lý hơn. [Xem thêm về tham số môi trường](#)

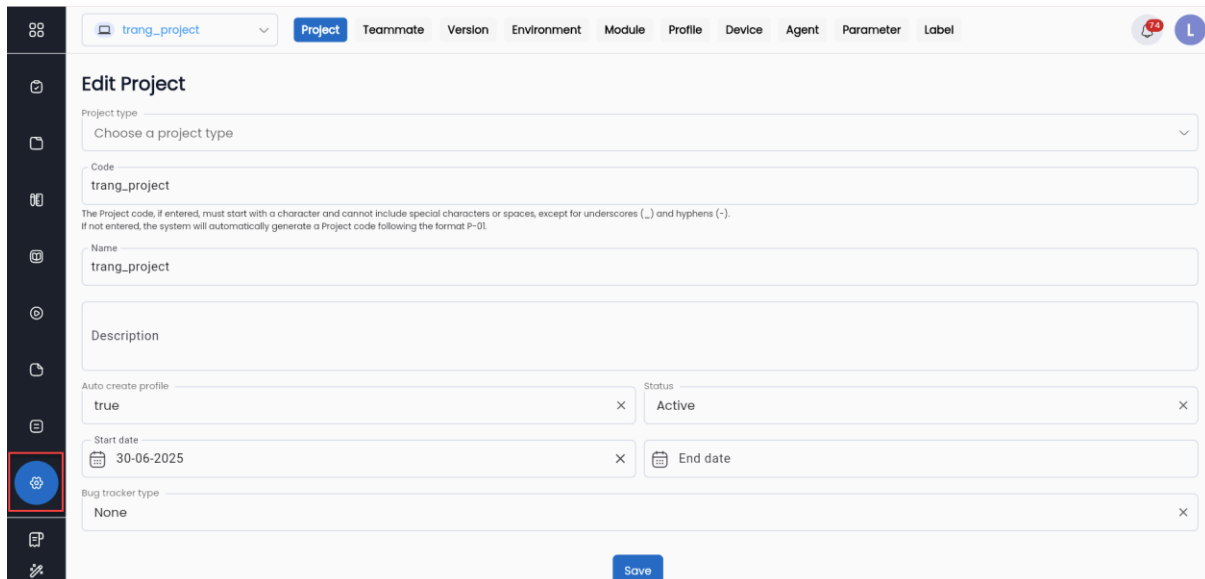
Phần này hướng dẫn người dùng cách quản lý các môi trường trên Centralize Automation Testing Suite:

- [Tạo mới môi trường](#)
- [Xem và chỉnh sửa môi trường](#)
- [Xóa môi trường](#)
- [Cấu hình tham số môi trường](#)

1.1.1.2 Tạo mới môi trường

Để tạo mới môi trường trong Centralize Automation Testing Suite, thực hiện như sau:

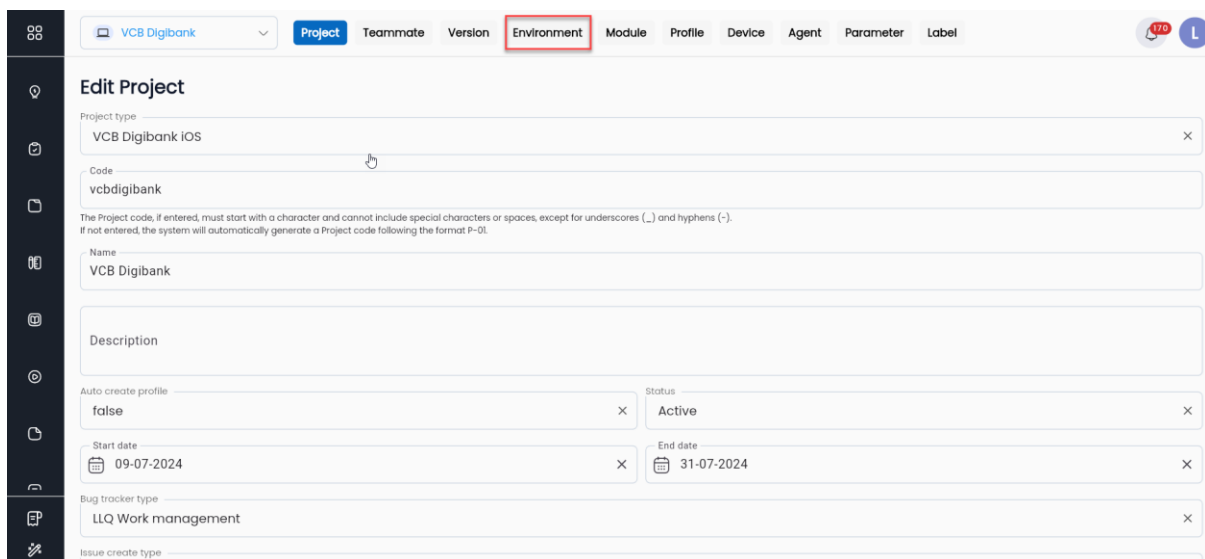
Bước 1: Nhấn Setting trên thanh chức năng bên trái



The screenshot shows the 'Edit Project' form in the 'Project' tab. The left sidebar contains a vertical menu with icons. The 'Settings' icon (a gear) is highlighted with a red box. The form fields are as follows:

- Project type: Choose a project type (dropdown)
- Code: trang_project
- Name: trang_project
- Description: (empty text area)
- Auto create profile: true (toggle)
- Status: Active (dropdown)
- Start date: 30-06-2025 (calendar icon)
- End date: (empty calendar icon)
- Bug tracker type: None (dropdown)
- Save button

Bước 2: Chọn tab ENVIRONMENT



The screenshot shows the 'Edit Project' form in the 'Environment' tab. The 'Environment' tab is highlighted with a red box. The form fields are as follows:

- Project type: VCB Digibank iOS
- Code: vcbdigibank
- Name: VCB Digibank
- Description: (empty text area)
- Auto create profile: false (toggle)
- Status: Active (dropdown)
- Start date: 09-07-2024 (calendar icon)
- End date: 31-07-2024 (calendar icon)
- Bug tracker type: LLQ Work management (dropdown)
- Issue create type: (empty dropdown)

Bước 3: Nhấn New environment

Smart OTP

Project Teammate Version **Environment** Module Profile Device Agent Parameter Label

Project Environment (8)

+ New environment

Environment name Status

Row per page: 10 Row 1 - 8 of 8

[Test] Test	Inactive		
[UAT] uat	Active		
[SIT] SIT	Active		
[PROD] PROD	Active		
[test] test	Active		
[Beta] Beta	Active		

Row per page: 10 Row 1 - 8 of 8

Bước 4: Nhập đúng và đầy đủ thông tin vào form **CREATE PROJECT ENVIRONMENT**

CREATE PROJECT ENVIRONMENT

Parent

Choose a parent

Code

Name

Default environment

Not Default

Status

Active

Description

Cancel

Save

- Mô tả các trường thông tin:

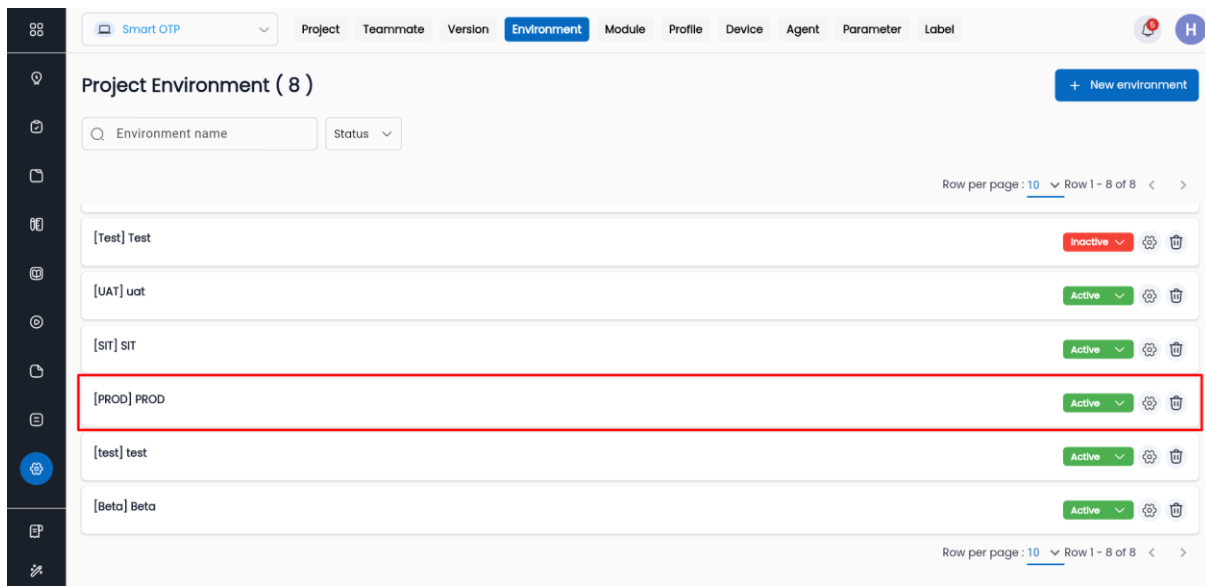
Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
Parent	Có	Combobox		Là danh sách các môi trường
Code	Có	Textbox	Code phải là duy nhất	Là mã của môi trường
Name	Có	Textbox		Là tên của môi trường
Default environment	Có	Combobox		Thiết lập mặc định cho môi trường, giá trị bao gồm: + Default: Các chức năng có trường environment mặc định chọn environment này + Not default: không để mặc định chọn environment này Cho phép chọn 01 giá trị
Status	Có	Combobox		Là trạng thái hoạt động của môi trường, giá trị bao gồm: + Active: Môi trường đang hoạt động + Inactive: Môi trường không hoạt động
Description	Không	Textarea		Nhập mô tả của môi trường

Bước 5: Nhấn **SAVE**, hệ thống hiển thị thông báo **“Create Successful”**

1.1.1.3 Xem và chỉnh sửa môi trường

Để xem/chỉnh sửa môi trường trong Centralize Automation Testing Suite, thực hiện như sau:

Trên màn hình tab **Environment**, nhấn chọn bản ghi môi trường cần xem/chỉnh sửa thông tin.



Hệ thống hiển thị màn hình **EDIT PROJECT ENVIRONMENT**.

EDIT PROJECT ENVIRONMENT

Parent

PROD

Code

PROD

Name

PROD

Default environment

Not Default

Status

Active

Description

Cancel

Save

Bước 1: Thực hiện xem và chỉnh sửa thông tin của môi trường theo yêu cầu của người dùng. [Mô tả các trường thông tin giống với form thêm mới.](#)

Bước 2: [Nhấn Save, hệ thống hiển thị thông báo “Update successful”, chỉnh sửa môi trường thành công](#)

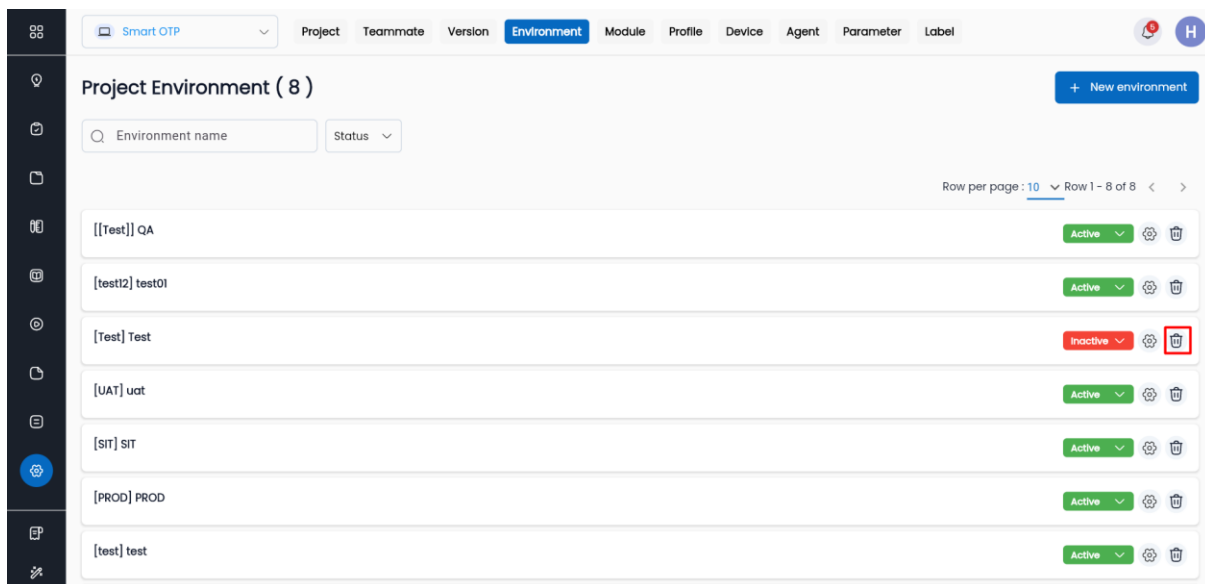
1.1.1.4 Xóa môi trường

Lưu ý: Điều kiện để xóa 1 môi trường là môi trường đó không có ràng buộc về dữ liệu (chưa từng được sử dụng). Không thể xóa môi trường đã được sử dụng trước đó.

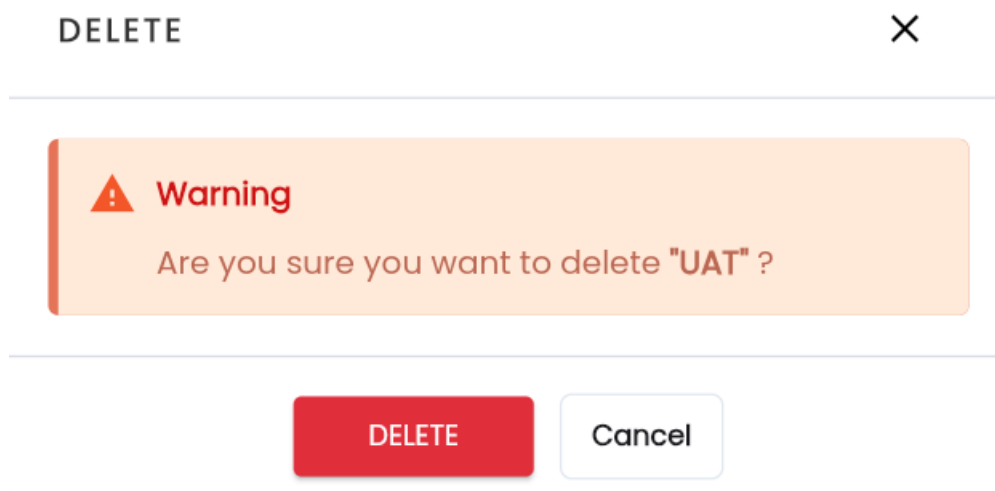
Để xóa 1 môi trường trong Centralize Automation Testing Suite, thực hiện như sau:

Trên màn hình tab **ENVIRONMENT** hệ thống hiển thị danh sách môi trường của dự án

Bước 1: Nhấn vào biểu tượng *Delete* ở bên phải bản ghi môi trường cần xóa.



Bước 2: Hệ thống hiển thị popup Xác nhận xóa môi trường. Nhấn **Delete** để xóa môi trường.

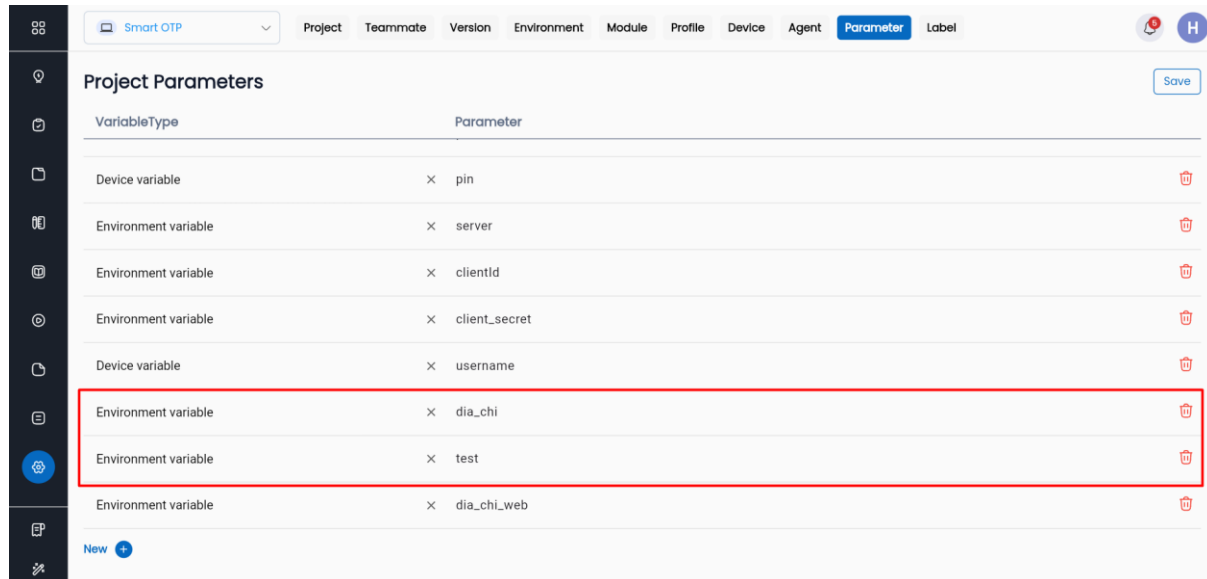


Hệ thống hiển thị thông báo “**Delete successful**”, xóa môi trường thành công.

1.1.1.5 Khởi tạo tham số môi trường

Tham số môi trường là biến cấu hình giúp duy trì tính nhất quán khi ứng dụng chạy trên các môi trường khác nhau trong quá trình phát triển phần mềm.

Ví dụ: URL của ứng dụng thường khác nhau giữa các môi trường như DEV, SIT, UAT, hoặc PROD. Do đó, URL có thể được định nghĩa dưới dạng một tham số môi trường để dễ dàng thay đổi và quản lý.



Tại sao lại cần có tham số môi trường?

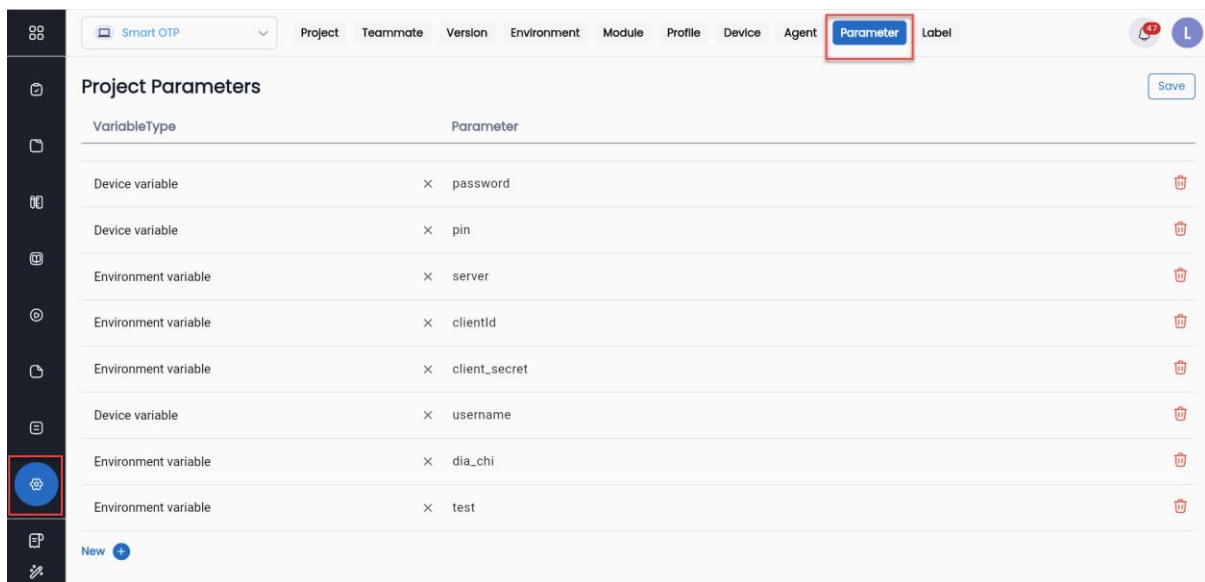
Trong quá trình phát triển và kiểm thử phần mềm, tham số môi trường đóng vai trò quan trọng trong việc cấu hình và vận hành ứng dụng một cách linh hoạt và hiệu quả. Tham số môi trường là các giá trị cấu hình có thể thay đổi tùy theo từng môi trường (như DEV, SIT, UAT, PROD), nhưng vẫn sử dụng chung một mã nguồn.

Việc sử dụng tham số môi trường giúp tách biệt cấu hình khỏi mã nguồn, giảm rủi ro khi chỉnh sửa. Ngoài ra các thông tin như URL, API key... hoặc chuỗi kết nối cơ sở dữ liệu có thể thay đổi theo môi trường, việc định nghĩa chúng dưới dạng tham số giúp tránh lỗi phát sinh khi chuyển môi trường...

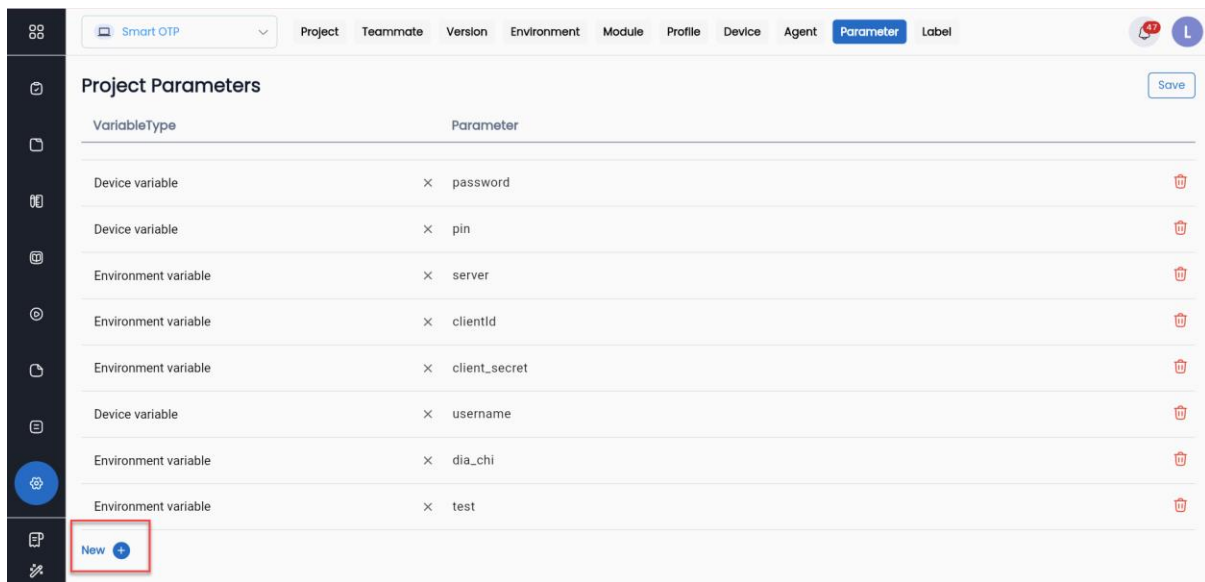
Sử dụng tham số môi trường giúp nâng cao khả năng mở rộng mà duy trì hệ thống.

1.1.1.5.1 Tạo tham số từ tab Parameter

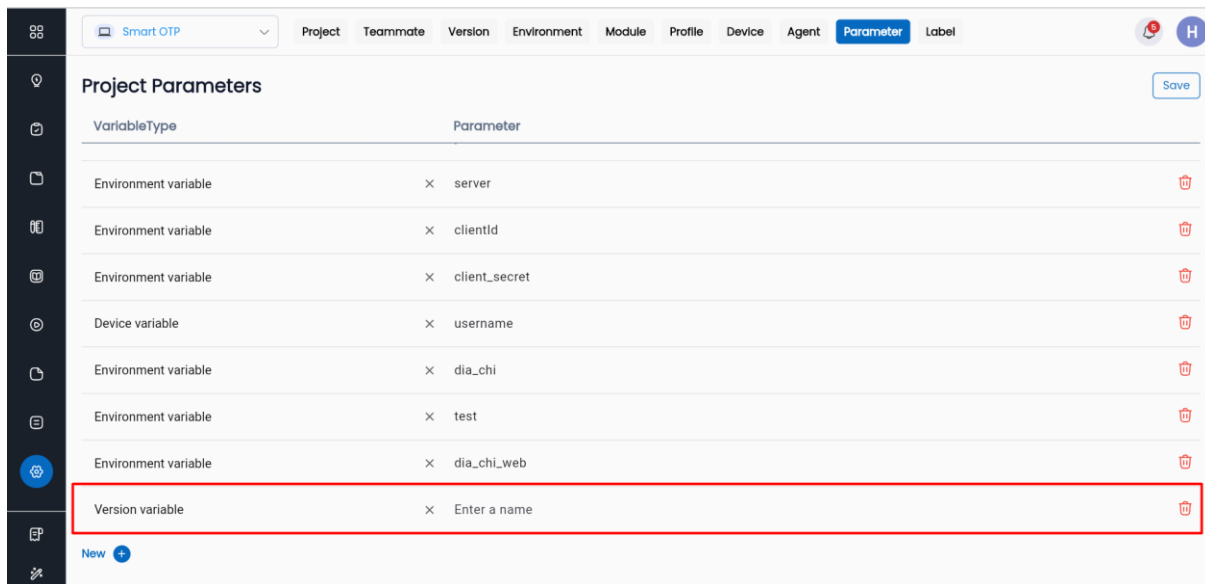
Bước 1: Trên màn hình chức năng **Setting** chọn tab **Parameter**



Bước 2: Nhấn **New parameter** để tạo thêm tham số. Không giới hạn số lượng tham số mỗi lần tạo.



Bước 3: Hệ thống hiển thị thông tin để cấu hình tham số



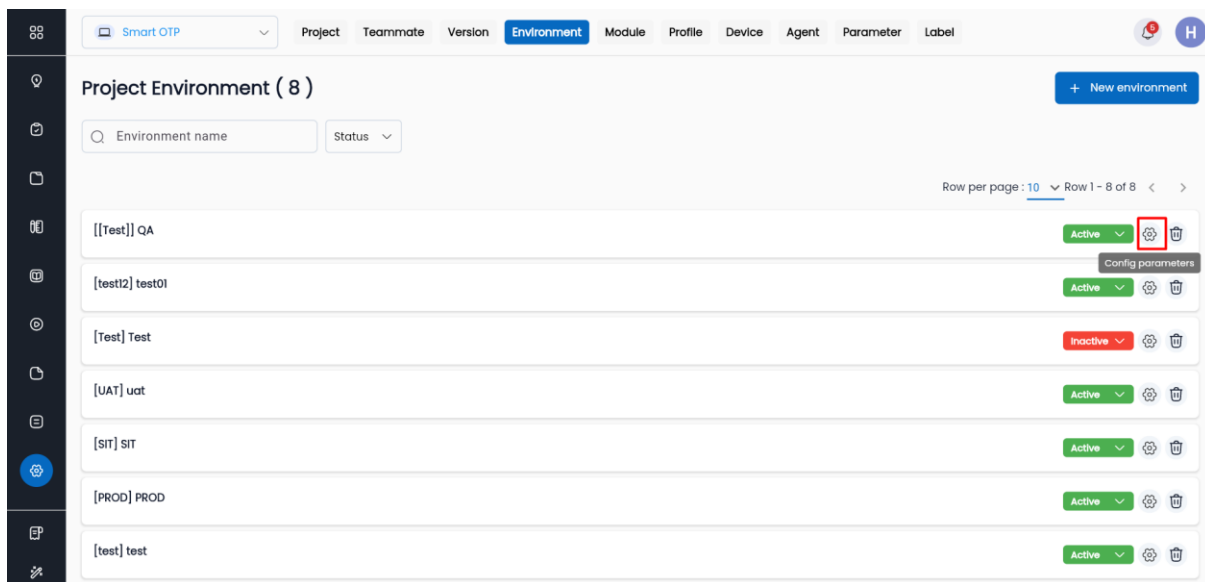
- Mô tả các trường thông tin

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
Variable Type	Có	Combobox		Chọn Environment variable
Parameter	Có	Textbox	Parameter là duy nhất, bắt đầu bằng chữ cái, chỉ chứa các ký tự từ a-z viết thường, chữ số và “ _ ”	Cho phép người dùng nhập tên của tham số.

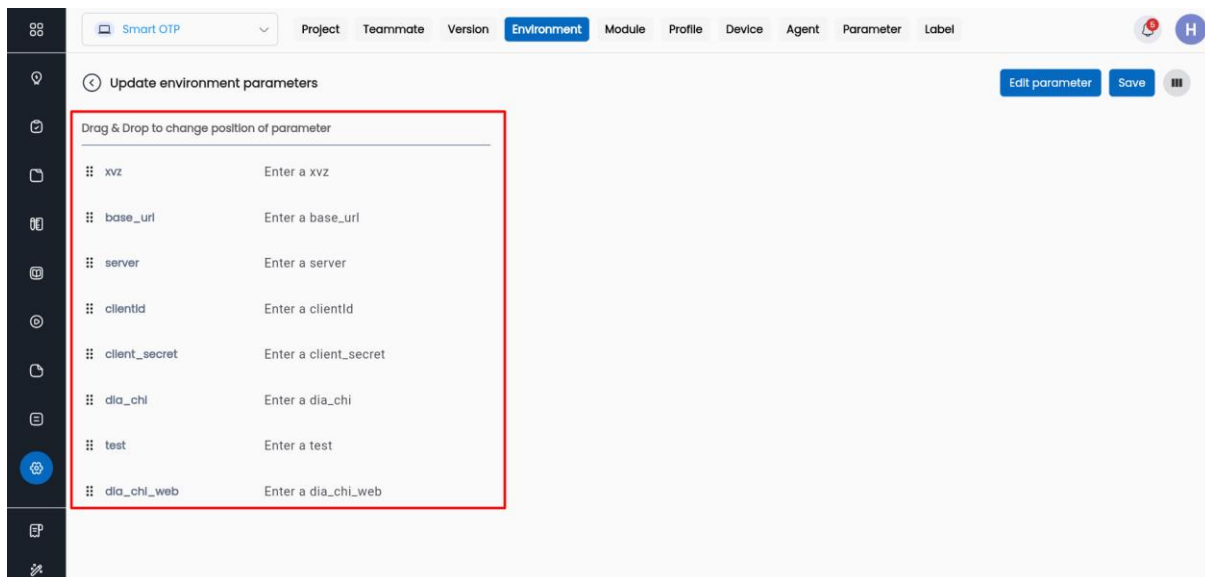
Bước 4: Sau khi nhập đúng và đủ thông tin, nhấn **SAVE** để lưu lại các tham số môi trường vừa tạo. Hệ thống hiển thị thông báo “**Update successful**”, tạo tham số môi trường thành công.

1.1.1.5.2 Cấu hình giá trị tham số môi trường

Bước 1: Trên màn hình tab **Environment** nhấn vào biểu tượng *Config parameter* ở bên phải bản ghi môi trường cần cấu hình giá trị tham số.



Bước 2: Hệ thống hiển thị danh sách các tham số môi trường đã tạo trước đó. Người dùng nhập giá trị theo nhu cầu mong muốn



Bước 3: Nhấn **Save**, hệ thống thông báo “**Update Successful**”

1.1.2 Phiên bản (Version)

1.1.2.1 Tổng quan về phiên bản trong Centralize Automation Testing Suite

Phiên bản (hay còn gọi là version) là thuật ngữ dùng để chỉ phân biệt các trạng thái cụ thể của phần mềm/ ứng dụng tại từng thời điểm nó được phát triển và phát hành. Mỗi phiên bản thể hiện một mốc thay đổi hoặc cập nhật rõ ràng về chức năng, hiệu năng hoặc sửa lỗi hệ thống

Ví dụ: phiên bản 1.0, phiên bản 2.0...

Tại sao phải có phiên bản?

Mỗi phiên bản phần mềm phản ánh những thay đổi cụ thể so với phiên bản trước đó, bao gồm cập nhật tính năng, sửa lỗi hoặc điều chỉnh hiệu năng. Việc quản lý theo phiên bản giúp theo dõi quá trình phát triển và đánh giá chất lượng phần mềm một cách chính xác.

Trong quá trình kiểm thử, các kịch bản kiểm thử (test case, test script...) cần được gắn với phiên bản cụ thể để đảm bảo kết quả kiểm thử phản ánh đúng tình trạng của phần mềm tại từng thời điểm. Điều này cũng giúp dễ dàng truy vết lỗi và kiểm soát phạm vi ảnh hưởng khi có sự thay đổi.

Ngoài ra, một số thông tin như URL, tài khoản đăng nhập (username, password), cấu hình... có thể thay đổi theo từng phiên bản. Khi đó, người dùng có thể sử dụng tham số phiên bản để quản lý những giá trị này một cách linh hoạt và nhất quán trong suốt quá trình kiểm thử và cấu hình hệ thống. [Xem thêm về tham số phiên bản](#)

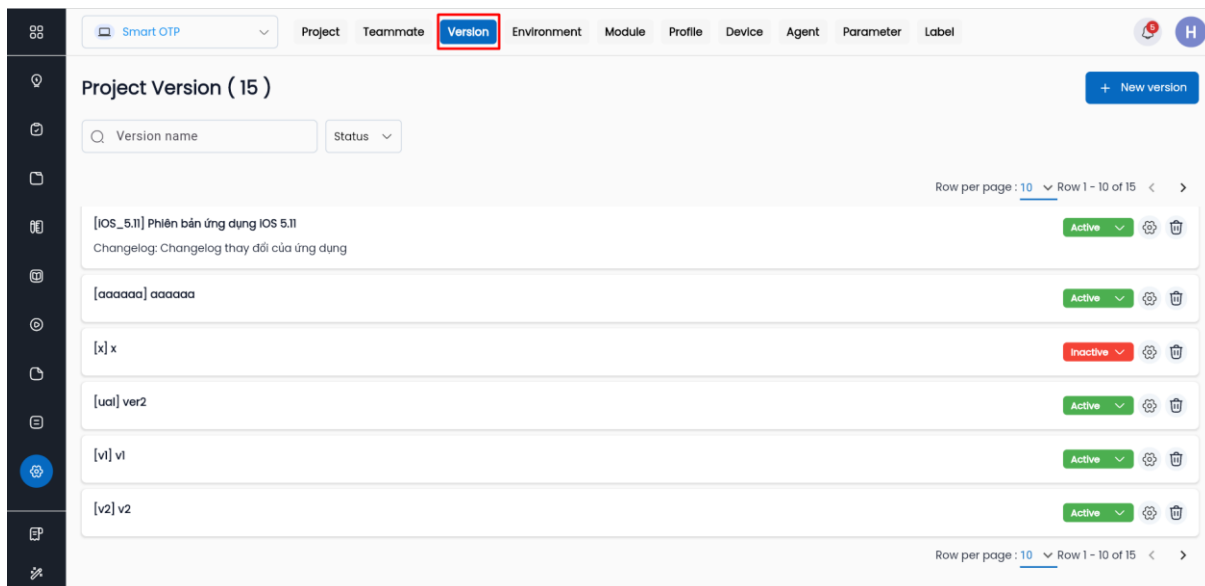
Phần này hướng dẫn người dùng cách quản lý các phiên bản trên Centralize Automation Testing Suite:

- [Tạo mới phiên bản](#)
- [Xem và chỉnh sửa phiên bản](#)
- [Xoá phiên bản](#)
- [Cấu hình tham số phiên bản](#)

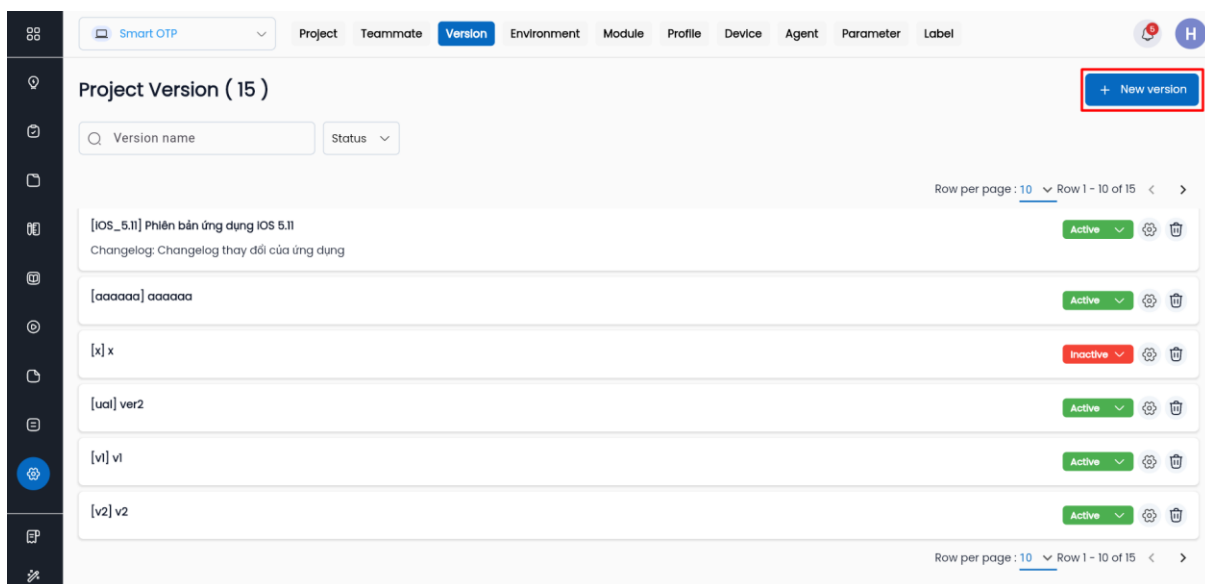
1.1.2.2 Tạo mới phiên bản

Để tạo mới phiên bản trong Centralize Automation Testing Suite, thực hiện như sau:

Bước 1: Trên màn hình chức năng **Setting** của dự án, chọn tab **Version**, hệ thống hiển thị danh sách các phiên bản của dự án



Bước 2: Nhấn NEW VERSION



Bước 3: Nhập đúng và đầy đủ thông tin vào form CREATE PROJECT VERSION

CREATE PROJECT VERSION

×

Code

Input must be start with the letters a-z, which must only contain a-z, numbers & "_". Ex: example_001_xx

Name

Default version

Not Default

×

Status

Active

×

Start date

📅

06-08-2025

×

End date

📅

×

Description

- Mô tả các trường thông tin:

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
Code	Có	Textbox	Code phải là duy nhất	Là mã của phiên bản Code version phải thể hiện được mã của version và nền tảng của ứng dụng (nếu ứng dụng phát triển trên nhiều hơn 01 nền tảng)
Name	Có	Textbox		Là tên của phiên bản Tên version phải thể hiện được mã của version và nền tảng của ứng dụng (nếu ứng dụng phát triển trên nhiều hơn 01 nền tảng)
Default version	Có	Combobox		Thiết lập mặc định cho phiên bản. Giá trị bao gồm: + Default: Là phiên bản phần mềm được chọn làm mặc định để thực thi các Test case, Test script... trong hệ thống. Đặc điểm: Được sử dụng nếu

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
				người dùng không chọn phiên bản cụ thể, thường là phiên bản ổn định nhất hoặc được ưu tiên kiểm thử định kỳ, giúp chuẩn hóa kết quả kiểm thử và so sánh qua các lần chạy. + Not default: Là các phiên bản khác ngoài phiên bản mặc định, được lựa chọn thử công khi cần kiểm thử trên các thay đổi cụ thể. Đặc điểm: dùng để kiểm thử theo yêu cầu, kiểm tra bản vá (hotfix), bản thử nghiệm (beta) hoặc phiên bản phát triển (development), cho phép so sánh giữa các phiên bản hoặc kiểm thử hồi quy (regression). + Cho phép chọn 01 giá trị
Status	Có	Combobox		Là trạng thái của phiên bản, giá trị bao gồm: + Active: Phiên bản đang hoạt động + Inactive: Phiên bản không hoạt động
Start date	Có	Date		Ngày bắt đầu của phiên bản
End date	Không	Date		Ngày kết thúc của phiên bản
Description	Không	Textarea		Là mô tả của phiên bản Khuyến nghị: <i>nhập thông tin thay đổi (changelog) của version so với version trước đó</i>

Bước 4: Nhấn **SAVE**. Hệ thống hiển thị thông báo “**Create Successful**”, tạo phiên bản thành công.

1.1.2.3 Xem và chỉnh sửa phiên bản

Để xem và chỉnh sửa phiên bản trong Centralize Automation Testing Suite, thực hiện như sau:

Bước 1: Trên màn hình tab **Version**, nhấn chọn phiên bản cần xem/chỉnh sửa thông tin. Hệ thống hiển thị màn hình **EDIT PROJECT VERSION**.

EDIT PROJECT VERSION

Code
WEB_V.3.3.0.2

Input must be start with the letters a-z, which must only contain a-z, numbers & ". ". Ex: example_001_xx

Name
WEB_V.3.3.0.2

Default version
Not Default

Status
Active

Start date
19-02-2025

End date

Description

Cancel Save

Bước 2: Thực hiện xem và chỉnh sửa thông tin của phiên bản theo nhu cầu của người dùng. [Mô tả các trường thông tin giống với form thêm mới.](#)

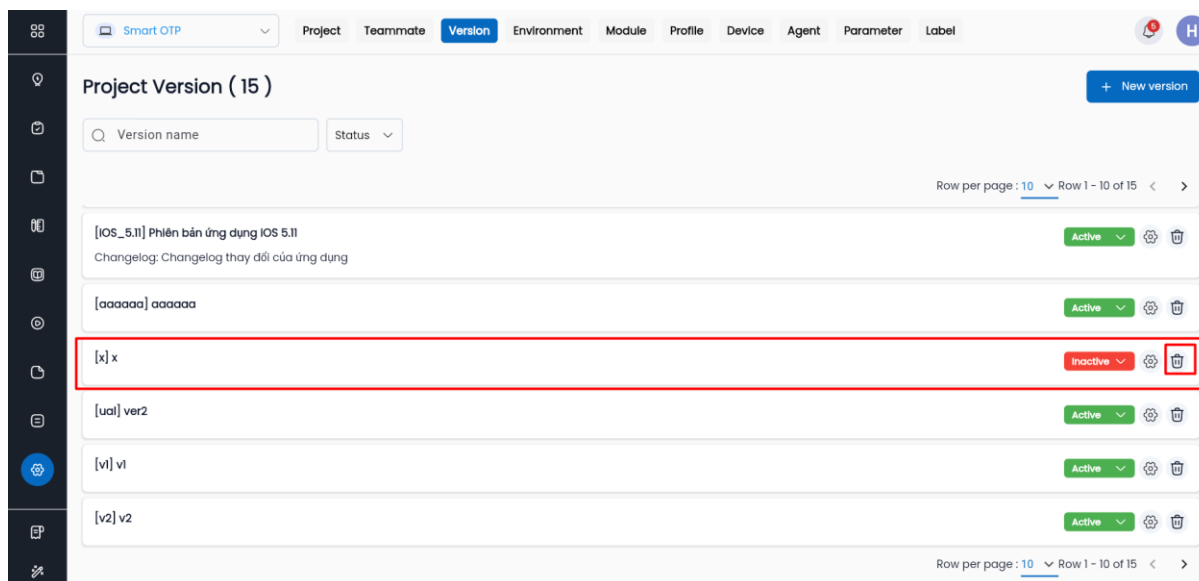
Bước 3: Nhấn **SAVE** hệ thống hiển thị thông báo “**Update successful**”, chỉnh sửa version thành công.

1.1.2.4 Xóa phiên bản

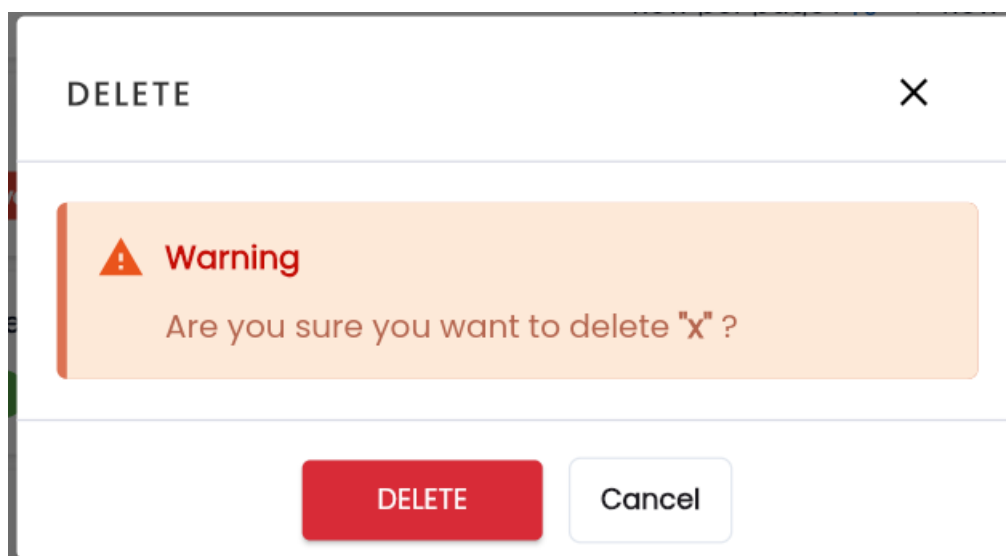
Lưu ý: Điều kiện để xóa một phiên bản là phiên bản đó không có ràng buộc về dữ liệu (chưa từng được sử dụng). Không thể xóa một phiên bản đã được sử dụng trước đó.

Để xóa một phiên bản trong Centralize Automation Testing Suite, thực hiện như sau:

Bước 1: Trên màn hình tab **VERSION**, chọn một phiên bản bất kỳ người dùng cần xóa, nhấn **Delete** ở phía bên phải bản ghi.



Hệ thống hiển thị popup xác nhận xóa version:

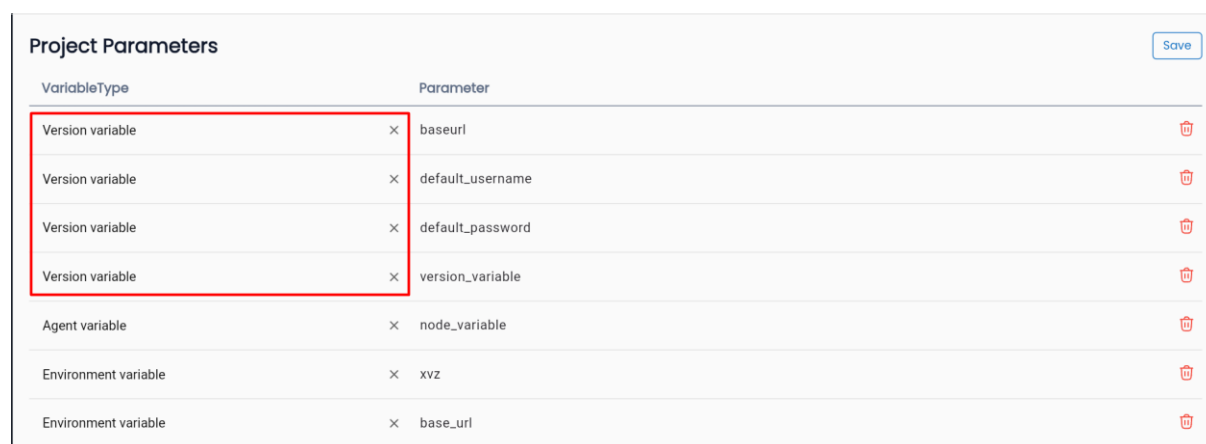


Bước 2: Nhấn **Delete** để xác nhận xóa version, hệ thống thông báo **“Delete successful”**, xóa version thành công.

1.1.2.5 Khởi tạo tham số phiên bản

Tham số phiên bản là các biến cấu hình có giá trị cố định trong phạm vi một phiên bản phần mềm, nhưng có thể khác nhau giữa các phiên bản khác nhau. Chúng giúp đảm bảo quá trình kiểm thử được thực hiện nhất quán theo từng phiên bản cụ thể.

Ví dụ: *Username* và *password* sử dụng trong kiểm thử thường không thay đổi trong cùng một phiên bản, nhưng có thể khác ở các phiên bản khác nhau. Do đó, các thông tin này có thể được định nghĩa dưới dạng tham số phiên bản để dễ dàng quản lý và cấu hình.



VariableType	Parameter
Version variable	baseurl
Version variable	default_username
Version variable	default_password
Version variable	version_variable
Agent variable	node_variable
Environment variable	xvz
Environment variable	base_url

Tại sao lại cần có tham số phiên bản?

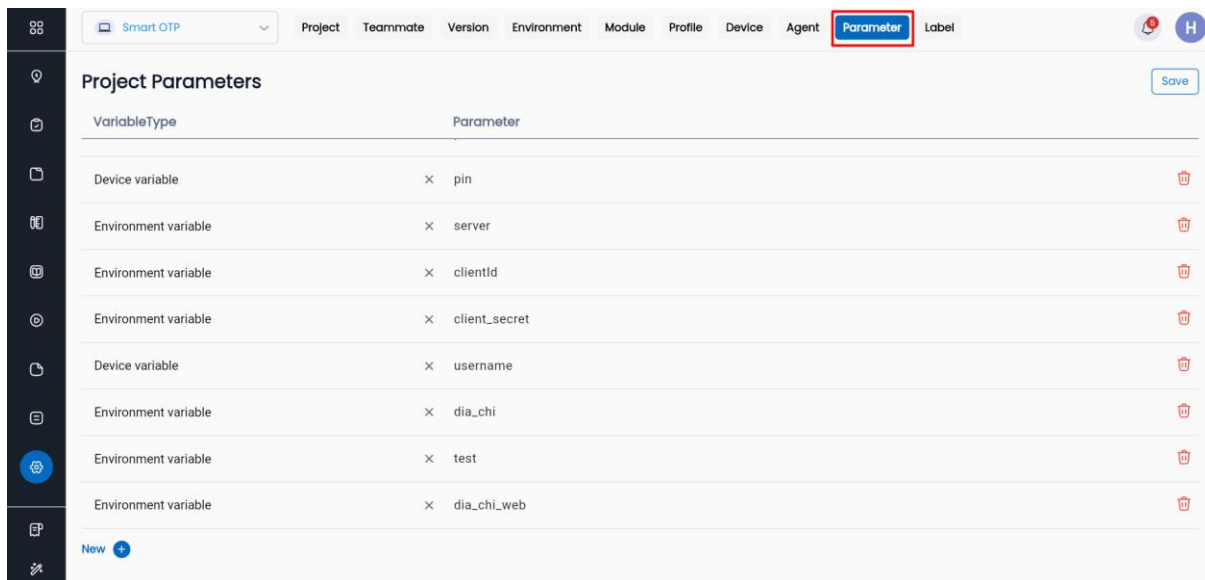
Trong quá trình phát triển và kiểm thử phần mềm, mỗi phiên bản có thể có các thay đổi cụ thể về cấu hình, dữ liệu hoặc hành vi. Tham số phiên bản cho phép người dùng quản lý và gán các giá trị phù hợp cho từng phiên bản phần mềm, giúp kiểm thử chính xác, linh hoạt và dễ kiểm soát hơn.

Việc sử dụng tham số phiên bản giúp tránh nhầm lẫn khi mỗi phiên bản có URL, tài khoản, hoặc cấu hình riêng biệt. Ngoài ra sử dụng tham số phiên bản còn giúp đảm bảo tính chính xác của kiểm thử, hỗ trợ kiểm thử hồi quy và so sánh giữa các phiên bản...

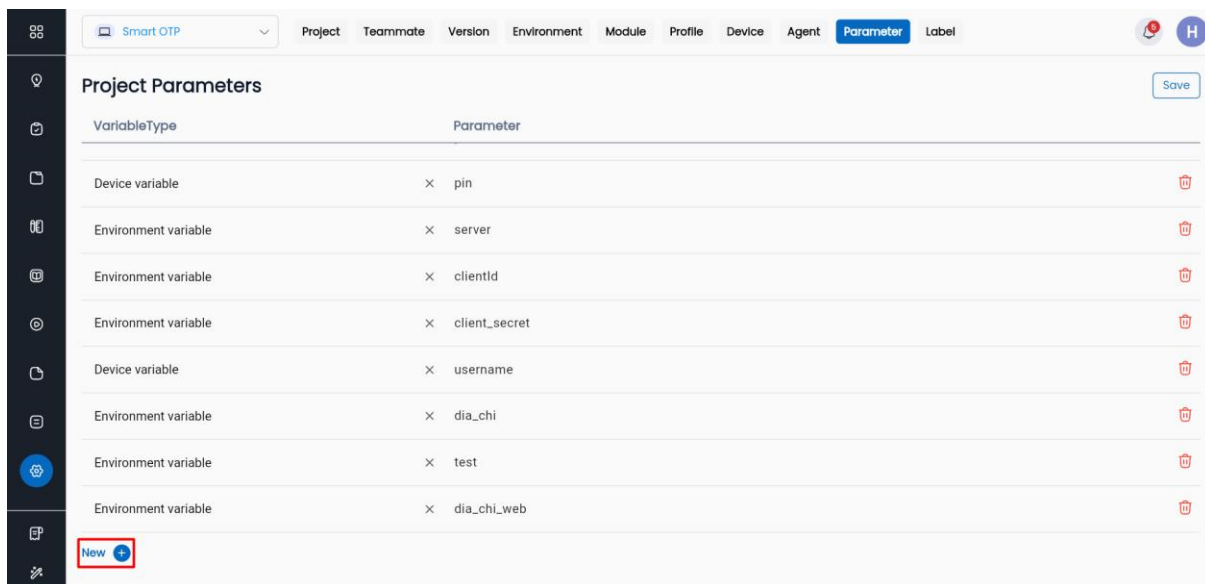
Để khởi tạo tham số phiên bản trong **Centralize Automation Testing Suite**, hãy làm như sau:

1.1.2.5.1 Tạo tham số từ tab Parameter

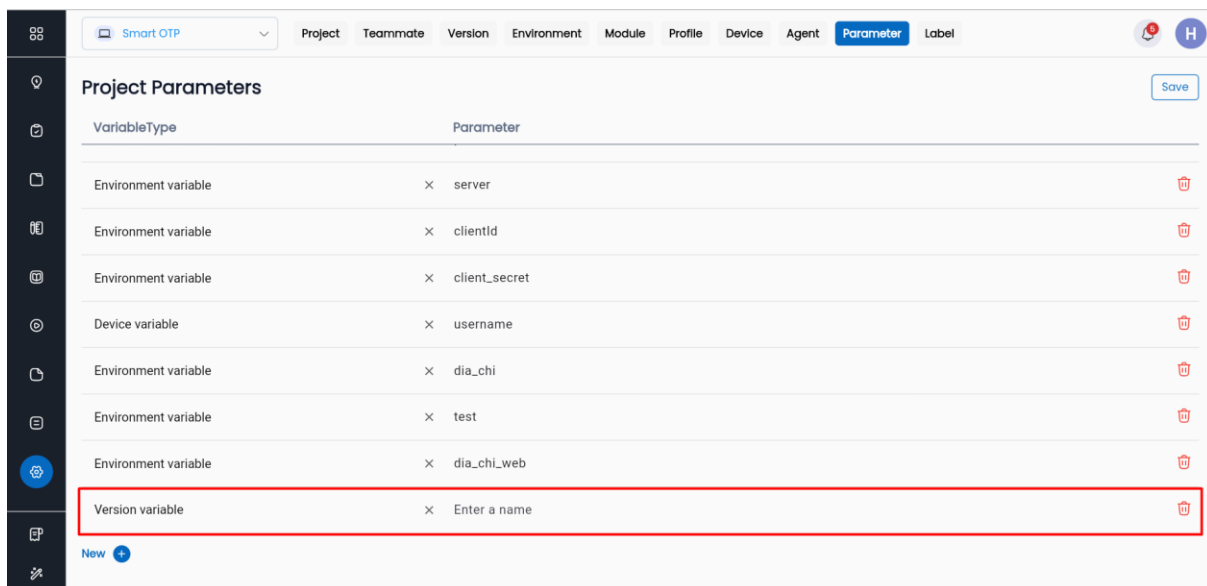
Bước 1: Trên màn hình chức năng **Setting** chọn tab **Parameter**



Bước 2: Nhấn New để tạo thêm tham số. Không giới hạn số lượng tham số mỗi lần tạo.



Bước 3: Hệ thống hiển thị thông tin để cấu hình tham số



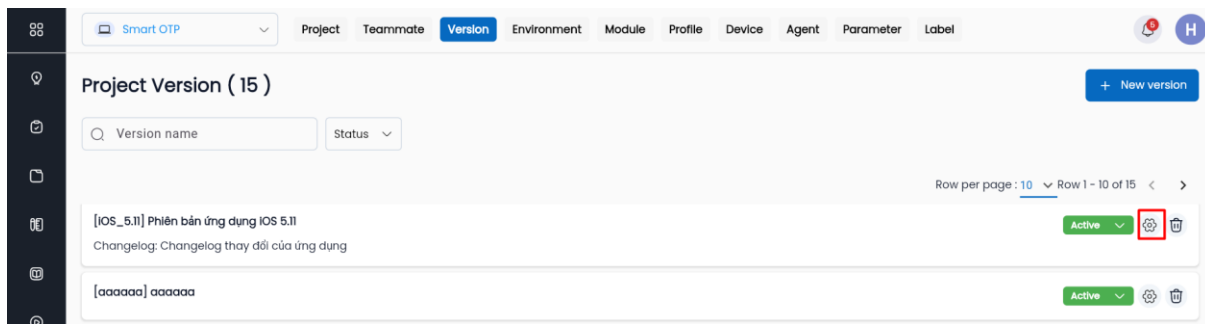
- Mô tả các trường thông tin

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
Variable Type	Có	Combobox		Chọn Environment variable
Parameter	Có	Textbox	Parameter là duy nhất, bắt đầu bằng chữ cái, chỉ chứa các ký tự từ a-z viết thường, chữ số và “_”	Cho phép người dùng nhập tên của tham số.

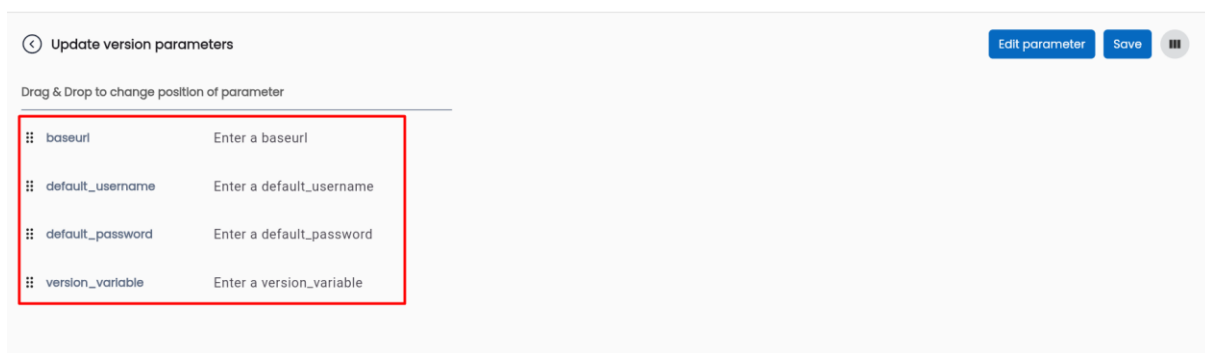
Bước 4: Sau khi nhập đúng và đủ thông tin, nhấn **SAVE** để lưu lại các tham số môi trường vừa tạo. Hệ thống hiển thị thông báo “**Update successful**”, tạo tham số môi trường thành công.

1.1.2.5.2 Cấu hình giá trị tham số phiên bản

Bước 1: Trên màn hình tab **Version**, nhấn vào biểu tượng *Config parameter* ở bên phải bản ghi phiên bản cần cấu hình giá trị tham số.



Bước 2: Hệ thống hiển thị danh sách các tham số môi trường đã tạo trước đó. Người dùng nhập giá trị theo nhu cầu mong muốn.



Bước 3: Nhấn **Save**, hệ thống thông báo “**Update Successful**”

1.1.3 Cấu phần (Module)

1.1.3.1 Tổng quan về cấu phần trong Centralize Automation Testing Suite

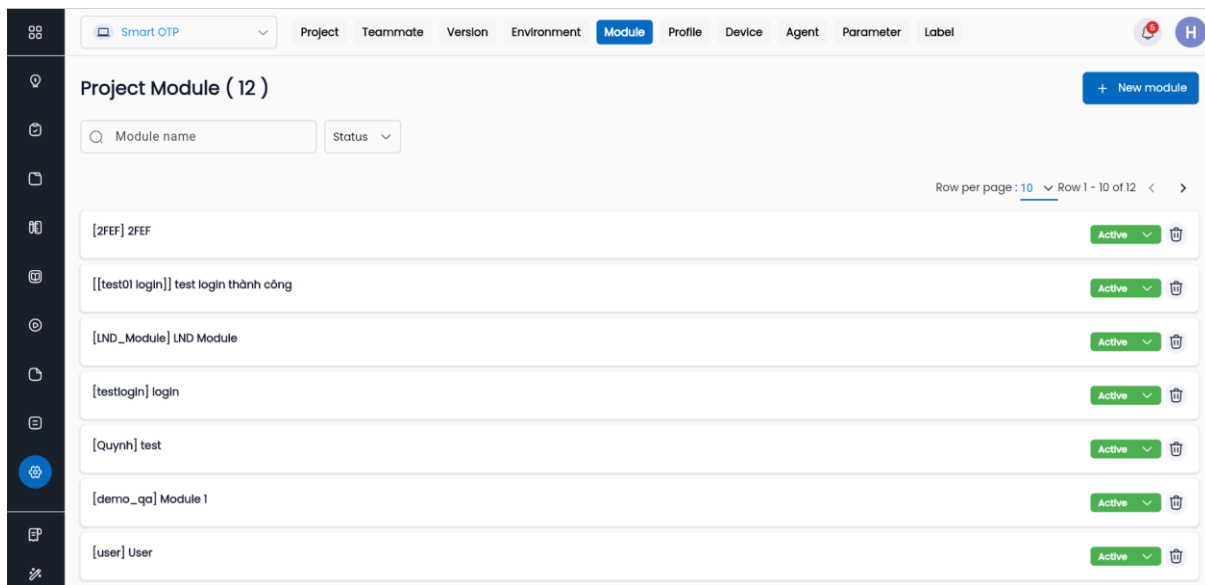
Cấu phần (Module) là một thành phần độc lập trong hệ thống phần mềm, đảm nhiệm một chức năng cụ thể và có thể được phát triển, kiểm thử hoặc triển khai riêng biệt. Phần này sẽ hướng dẫn người dùng cách quản lý các cấu phần trên **Centralize Automation Testing Suite**:

- [Tạo mới cấu phần](#)
- [Xem và chỉnh sửa cấu phần](#)
- [Xóa cấu phần](#)

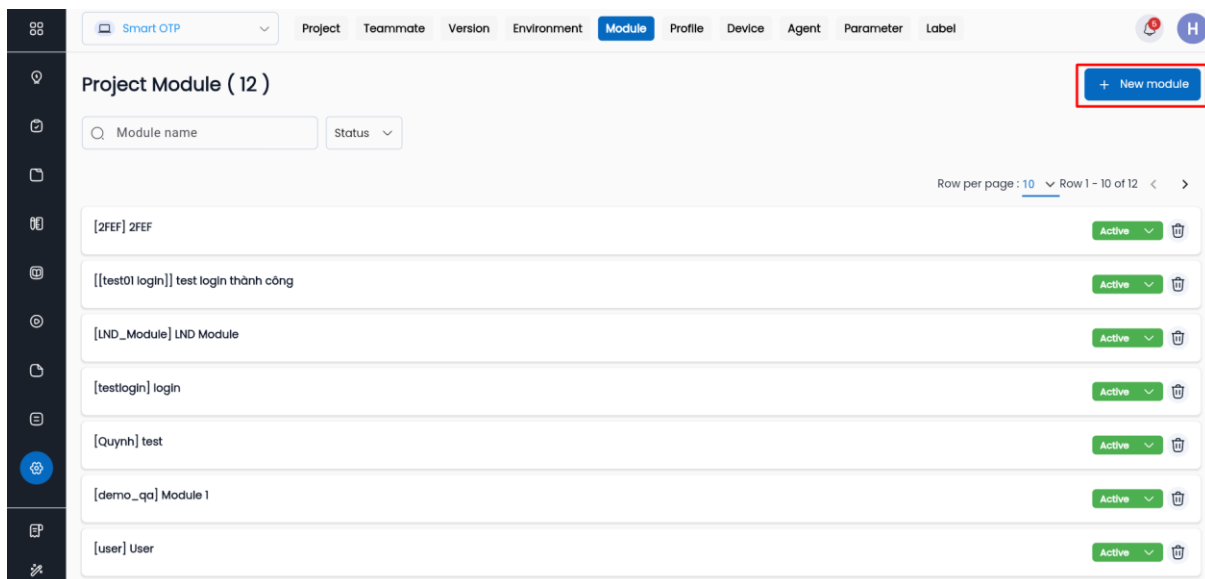
1.1.3.2 Tạo mới cấu phần

Để tạo mới cấu phần trong **Centralize Automation Testing Suite**, hãy làm như sau:

Bước 1: Trên màn hình chức năng **Setting** dự án, nhấn chọn tab **Module**, hệ thống hiển thị danh sách các module của dự án



Bước 2: Nhấn **New module**



Bước 3: Nhập đúng và đầy đủ thông tin vào form **CREATE PROJECT MODULE**

CREATE PROJECT MODULE

×

Parent

Choose a parent

▼

Code

Name

Status

Active

×

Description

Cancel

Save

- Mô tả các trường thông tin:

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
Parent	-	Combobox		Đơn vị cấp trên mà cấu phần người dùng đang tạo mới sẽ trực thuộc hoặc kế thừa cấu trúc
Code	Có	Textbox	Code phải là duy nhất	Là mã của module trong project
Name	Có	Textbox		Là tên của module trong project
Status	Có	Combobox		Là trạng thái hoạt động của module, giá trị lựa chọn bao

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
				gồm: + Active: Module đang hoạt động + Inactive: Module không hoạt động Cho phép chọn 01 giá trị
Description	Không	Textarea		Nhập mô tả module

Bước 4: Nhấn **Save**. Hệ thống hiển thị thông báo “**Create Successful**”.

1.1.3.3 Xem và chỉnh sửa cấu phần

Để xem và chỉnh sửa cấu phần trong **Centralize Automation Testing Suite**, thực hiện như sau:

Bước 1: Trên màn hình tab **Module**, nhấn chọn bản ghi cấu phần cần xem/chỉnh sửa thông tin. Hệ thống hiển thị màn hình **EDIT PROJECT MODULE**

EDIT PROJECT MODULE

Parent

Choose a parent

▼

Code

TT

Name

Tắt toán tài khoản tiết kiệm

Status

Active

×

Description

Cancel

Save

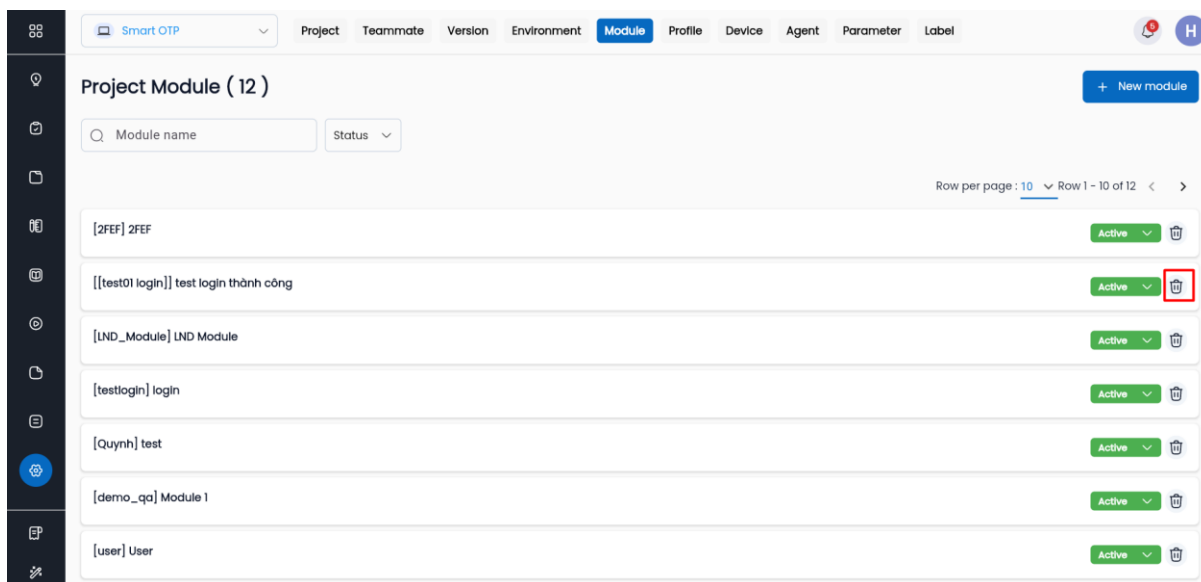
Bước 2: Thực hiện xem và chỉnh sửa thông tin của cấu phần theo yêu cầu của người dùng. [Mô tả các trường thông tin giống với form thêm mới.](#)

1.1.3.4 Xóa cấu phần

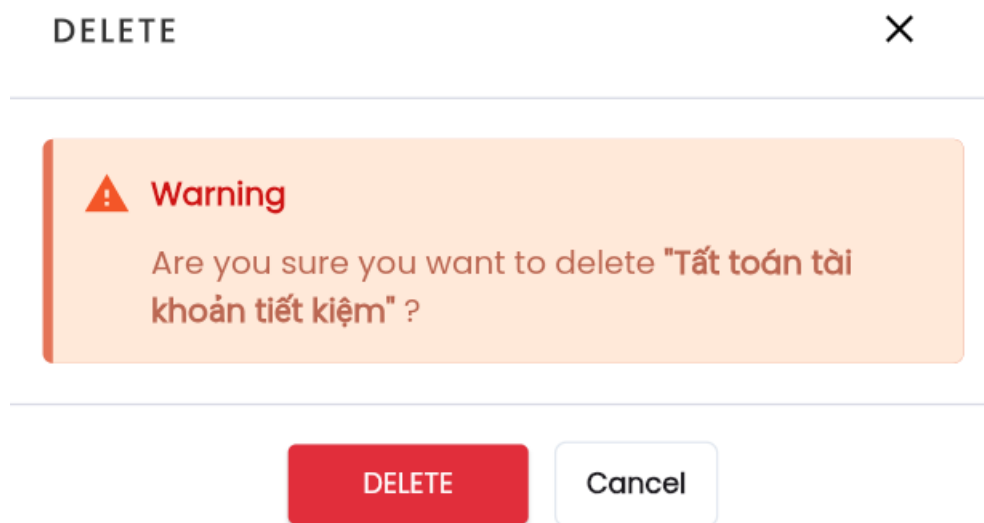
Lưu ý: Điều kiện để xóa 1 cấu phần là cấu phần đó không có ràng buộc về dữ liệu (chưa từng được sử dụng). Không thể xóa cấu phần đã được sử dụng trước đó.

Để xóa 1 cấu phần trong **Centralize Automation Testing Suite**, thực hiện như sau:

Bước 1: Trên màn hình tab **Module**, hệ thống hiển thị danh sách các cấu phần của dự án. Nhấn biểu tượng Delete ở phía bên phải bản ghi cấu phần cần xóa.



Bước 2: Hệ thống hiển thị popup xác nhận xóa cấu phần. Nhấn **Delete** để xóa cấu phần.



Hệ thống hiển thị thông báo “Delete successful”.

1.1.4 Profile

1.1.4.1 Tổng quan về Profile trong Centralize Automation Testing Suite

Profile là một chức năng cho phép người dùng thực thi các kịch bản kiểm thử với một tập hợp thông số cấu hình tùy chỉnh. Các profile được thiết lập dựa trên khả năng hỗ trợ của công cụ hoặc framework kiểm thử đang sử dụng, nhằm phù hợp với nhiều môi trường kiểm thử khác nhau.

Thông tin cấu hình trong một profile thường bao gồm:

- Nền tảng: Thiết bị chạy kiểm thử (Desktop, Mobile, v.v.)
- Hệ điều hành: Windows, macOS, Android, iOS...
- Trình duyệt: Chrome, Firefox, Safari... (áp dụng cho kiểm thử trên web)

Nếu người dùng đã bật **Auto create profile** (Auto create profile: true) khi thiết lập project thì không cần phải tạo profile thủ công. Profile sẽ được tự động tạo khi người dùng start Agent (private) theo chuẩn thông số của nền tảng, hệ điều hành tương ứng.

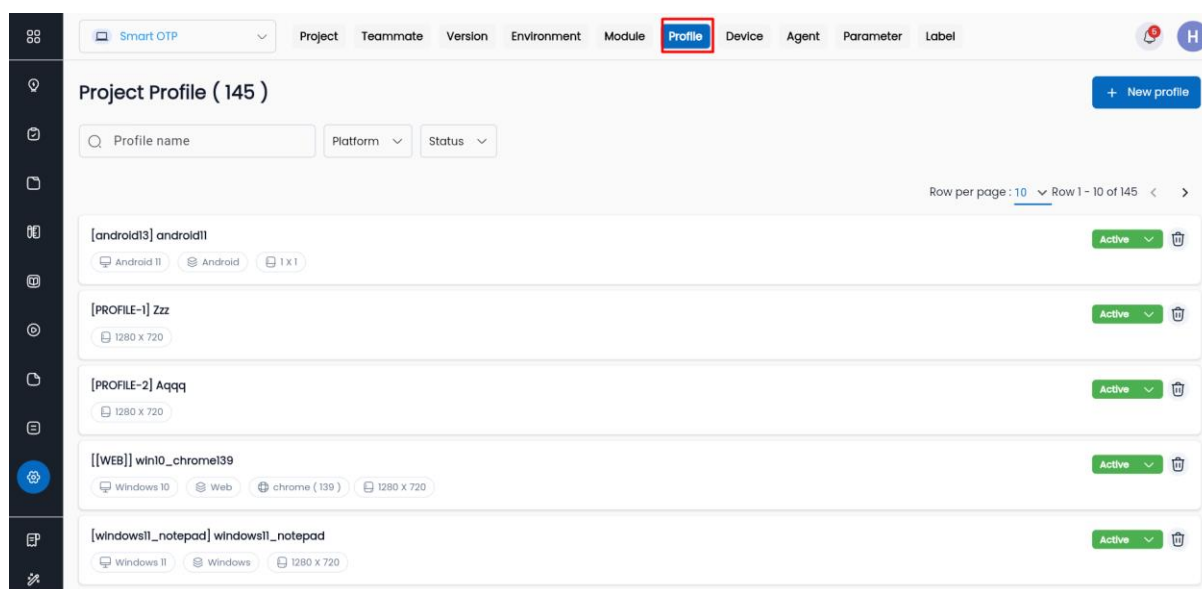
Phần này sẽ hướng dẫn người dùng cách thiết lập Profile thủ công và cách sử dụng các tính năng của Profile:

- [Tạo mới/thiết lập Profile](#)
- [Xem và chỉnh sửa Profile](#)
- [Xóa Profile](#)

1.1.4.2 Tạo mới/thiết lập Profile

Để tạo mới Profile thủ công trong **Centralize Automation Testing Suite**, thực hiện như sau:

Bước 1: Trên màn hình chức năng **Setting**, nhấn chọn tab **Profile**



Bước 2: Nhấn **New Profile**

Smart OTP

Project

Teammate

Version

Environment

Module

Profile

Device

Agent

Parameter

Label

Project Profile (145)

+ New profile

Profile name

Platform

Status

Row per page : 10

Row 1 - 10 of 145

[android13] android11	Android 11	Android	1 X 1	Active	
[PROFILE-1] Zzz	1280 X 720			Active	
[PROFILE-2] Aqqq	1280 X 720			Active	
[[WEB]] win10_chrome139	Windows 10	Web	chrome (139)	1280 X 720	Active
[windows11_notepad] windows11_notepad	Windows 11	Windows	1280 X 720	Active	

Bước 3: Nhập đúng và đầy đủ thông tin và form **CREATE PROJECT PROFILE**

CREATE PROJECT PROFILE

×

Platform

Choose a platform

▼

Code

Name

App

Udid

Status

Active

×

Default profile

Not Default

×

Screen Width

Screen Height

Headless

False

×

Recorder ?

True

×

Image ?

True

×

Description

Capability

Name	Value
------	-------

Cancel

Save

- Mô tả các trường thông tin:

Platform	Có	Combobox		Là nền tảng phát triển sản phẩm, giá trị bao gồm: + Web + Android + iOS + JavaSwing + Windows + Api + JDBC + SSH + FTP Cho phép chọn 01 giá trị
Code	Có	Textbox	Code phải là duy nhất	Là mã của Profile
Name	Có	Textbox		Là tên của Profile, <i>Khuyến nghị: nên đặt tên có liên quan đến hệ điều hành của profile để dễ nhận biết trong quá trình sử dụng.</i>
Operating system	Có	Combobox	Tùy thuộc theo Platform đã chọn trước đó	Là môi trường hệ điều hành mà người dùng sử dụng để thực hiện kiểm thử trên nền tảng đã chọn. Việc

				lựa chọn hệ điều hành cần phù hợp với loại nền tảng (platform) tương ứng, chẳng hạn như Windows, macOS, Android hoặc iOS
Status	Có	Combobox		Là trạng thái hoạt động của profile trong, giá trị bao gồm: + Active: Profile hoạt động + Inactive: Profile không hoạt động Cho phép chọn 01 giá trị
Default profile	Có	Combobox		Thiết lập mặc định cho profile trong dự án, giá trị bao gồm: - Default: Là profile được thiết lập sẵn để hệ thống tự động lựa chọn khi thực hiện kiểm thử. Các chức năng có trường “profile” sẽ mặc định chọn profile này nếu người

				dùng không thay đổi - Not default: Là profile không được chọn mặc định. Chỉ được sử dụng khi người dùng chủ động lựa chọn trong quá trình thực thi kiểm thử.
Description	Không	Textarea		Nhập thông tin mô tả profile

Bước 4: Nhấn **Save**, hệ thống hiển thị thông báo “**Create successful**”.

1.1.4.3 Xem và chỉnh sửa **Profile**

Để xem và chỉnh sửa **Profile** trong **Centralize Automation Testing Suite**, thực hiện như sau:

Bước 1: Trên màn hình tab **Profile**, nhấn chọn bản ghi profile cần xem/chỉnh sửa thông tin. Hệ thống hiển thị màn hình **EDIT PROJECT PROFILE**

Bước 2: Thực hiện xem và chỉnh sửa thông tin của Profile theo yêu cầu của người dùng. [Mô tả các trường thông tin giống với form thêm mới.](#)

Bước 3: Nhấn **Save**. Hệ thống hiển thị thông báo “**Update successful**”.

Lưu ý: Code **không** thể chỉnh sửa

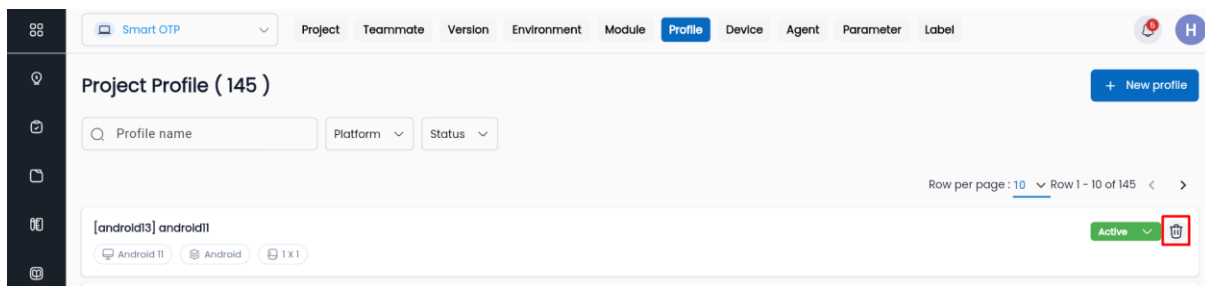
1.1.4.4 Xóa Profile

Lưu ý: Điều kiện để xóa 1 profile là profile đó không có ràng buộc về dữ liệu (chưa từng được sử dụng). Không thể xóa profile đã được sử dụng trước đó.

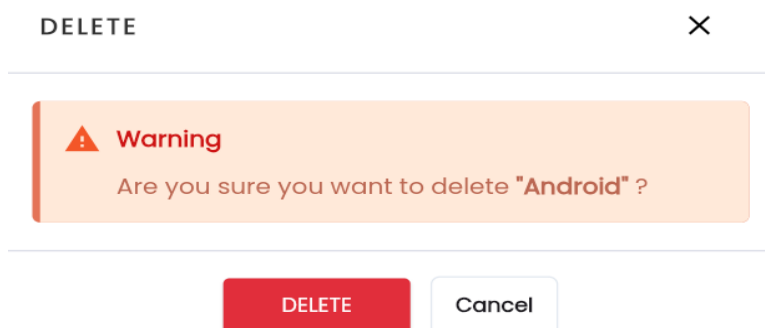
Để xóa 1 **Profile** trong **Centralize Automation Testing Suite**, thực hiện như sau:

Trên màn hình tab **Profile**, hệ thống hiển thị danh sách các profile của dự án.

Bước 1: Nhấn biểu tượng Delete ở phía bên phải bản ghi profile cần xóa.



Bước 2: Hệ thống hiển thị popup xác nhận xóa profile. Nhấn **Delete** để xóa profile.



Hệ thống hiển thị thông báo “**Delete successful**”, xóa profile thành công.

1.1.5 Thành viên (*Teammate* (nếu có))

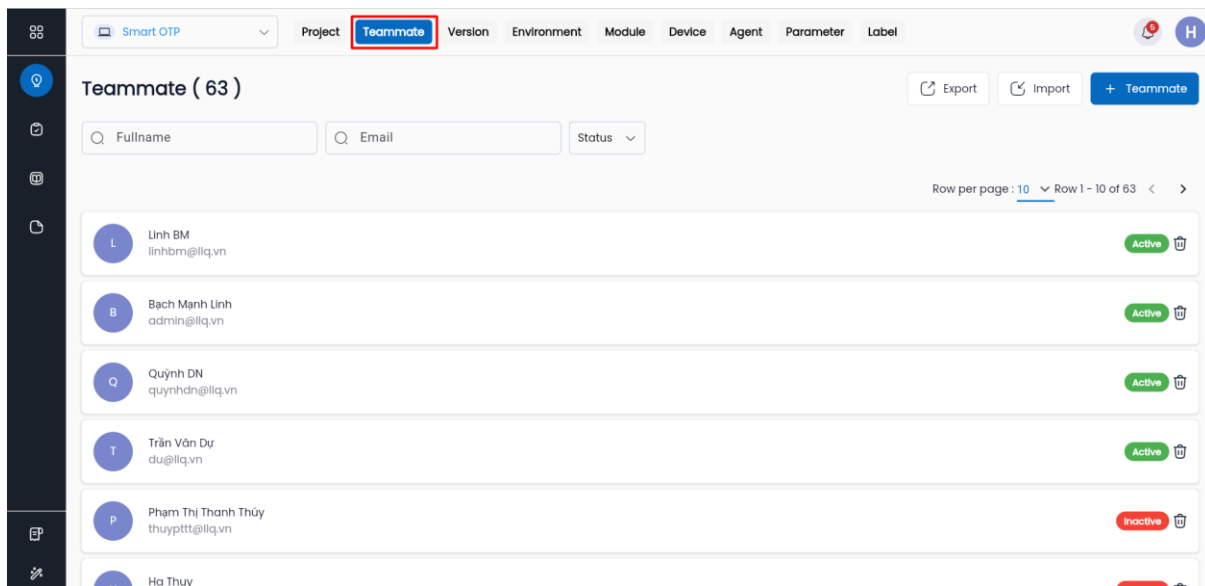
Phần này sẽ hướng dẫn người dùng cách quản lý thành viên tham gia Project trên **Centralize Automation Testing Suite**:

- [Thêm mới thành viên](#)
- [Phân quyền quyền cho thành viên](#)
- [Cập nhật vai trò cho thành viên](#)
- [Xóa thành viên](#)

1.1.5.1 Thêm mới thành viên vào dự án

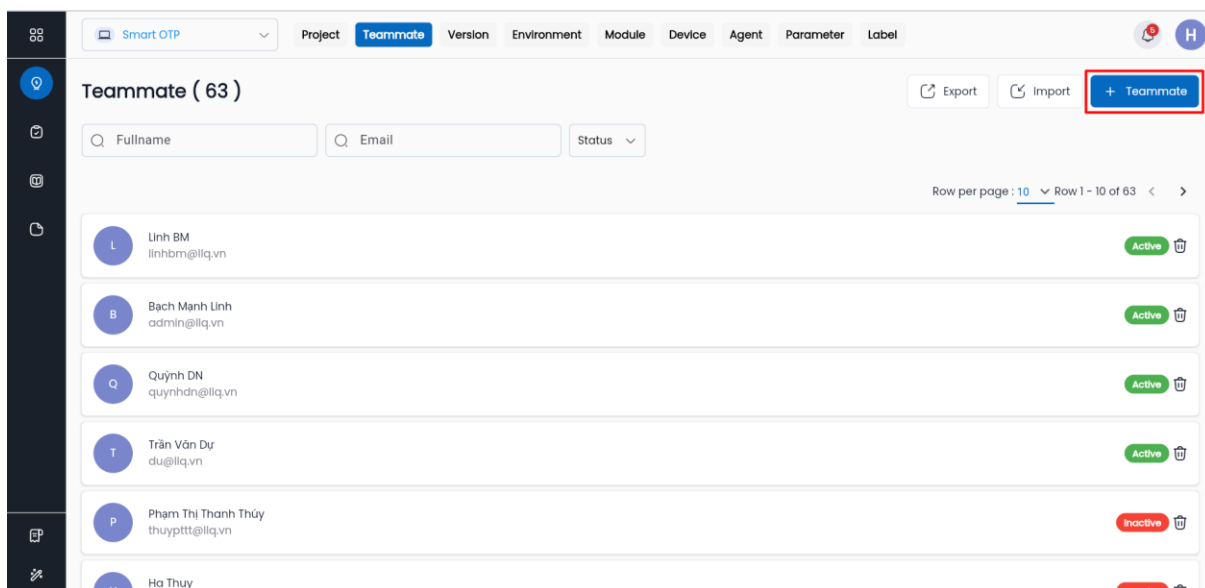
Để thêm mới thành viên vào dự án trên **Centralize Automation Testing Suite**, thực hiện các bước như sau:

Bước 1: Trên màn hình chức năng **Setting**, nhấn chọn tab **Teammate**

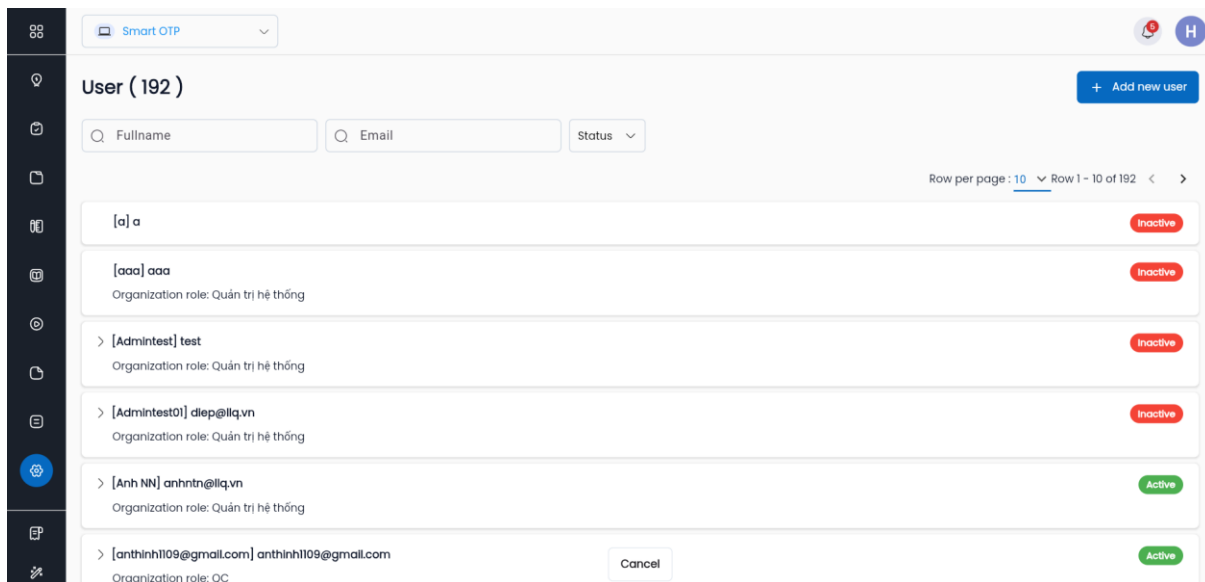


Hệ thống hiển thị danh sách thành viên của dự án.

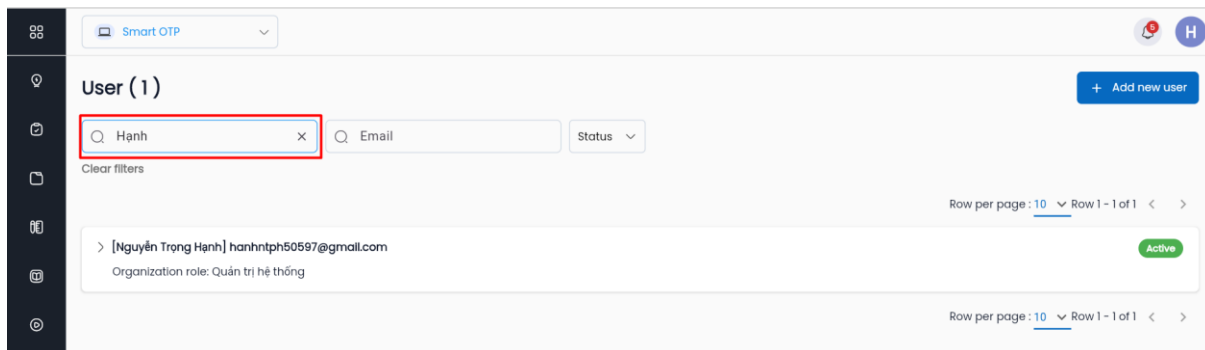
Bước 2: Nhân + Teammate



Hệ thống hiển thị danh sách toàn bộ User trên hệ thống.



Bước 3: Nhập tên hoặc email của thành viên người dùng muốn thêm vào project vào searchbox tương ứng.



Bước 4: Nhấn chọn thành viên vừa tìm được, hệ thống hiển thị màn hình phân quyền cho thành viên. Tích chọn các trường cần thiết.

Bước 5: Nhấn **Save**, hệ thống hiển thị thông báo “**Add member successful**”.

Lưu ý: Nếu thành viên cần thêm vào dự án chưa có trên hệ thống, nhấn **Add new user**.

Hệ thống hiển thị màn hình **CREATE USER**

CREATE USER

×

Fullname

Nickname

Email

Status

Active

×

Description

Role

☐ Select all

☐ ADMIN
 ☐ admin
 ☐ public_node
 ☐ + Xem dữ liệu

Cancel

Save

Nhập đầy đủ và hợp lệ vào form **CREATE USER**.

- Mô tả các trường thông tin

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
Fullname	Có	Textbox		Là tên của thành viên
Nickname	Có	Textbox		Là tên gọi nhớ của thành viên được thêm vào hệ thống
Email	Có	Text	Đúng định dạng của email	Là email của thành viên được thêm vào hệ thống
Description	Không	Textarea		Là mô tả về thành viên
Status	Có	Combobox		Là trạng thái hoạt động của thành viên trên hệ thống. Giá trị bao gồm:

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
				+ Active: đang hoạt động + Inactive: không hoạt động Có thể chọn 01 giá trị
Role	Không	Checkbox		Là danh sách các vai trò có thể đảm nhận của user trong dự án, người dùng thực hiện click chọn các vai trò phù hợp đối với user. Có thể chọn nhiều vai trò cho 1 User

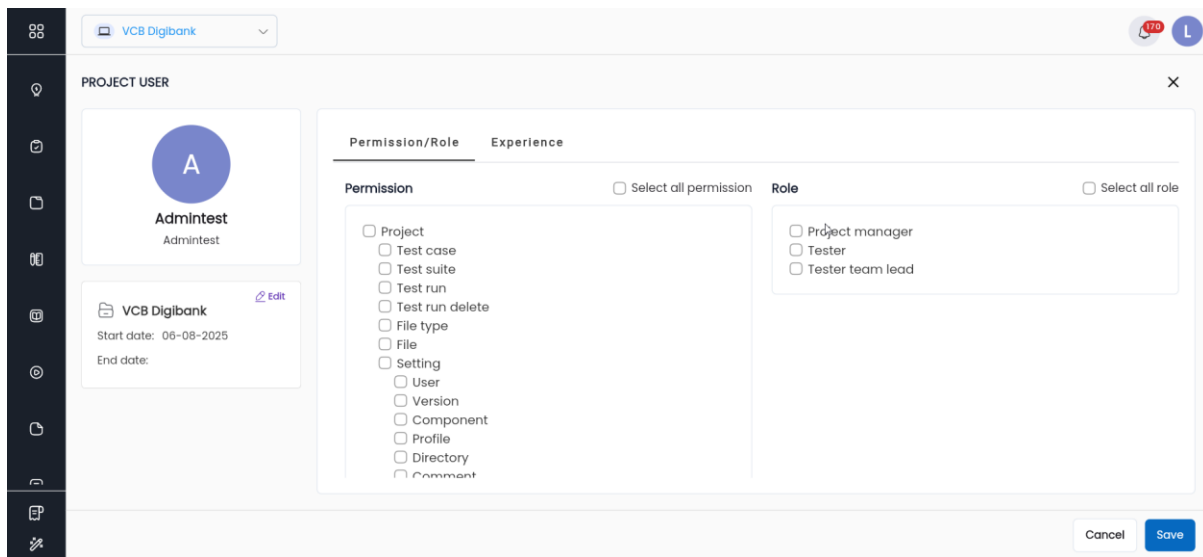
Nhấn **Save**, hệ thống thông báo “**Create successful**”.

Tiếp tục thực hiện thêm thành viên vào dự án.

1.1.5.2 Cập nhật phân quyền cho thành viên trong dự án

Để cập nhật phân quyền sử dụng các chức năng cho thành viên trong dự án, thực hiện các bước sau:

Bước 1: Trên màn hình tab **Teammate**, nhấn chọn user mà người dùng muốn cập nhật quyền/vai trò, hệ thống hiển thị màn hình **PROJECT USER**



Bước 2: Tích chọn các chức năng và tính năng phù hợp, hoặc tích chọn **Select all permission/selec all role** để chọn tất cả, nhấn **Save**.

Hệ thống hiển thị thông báo **“Update successful”**.

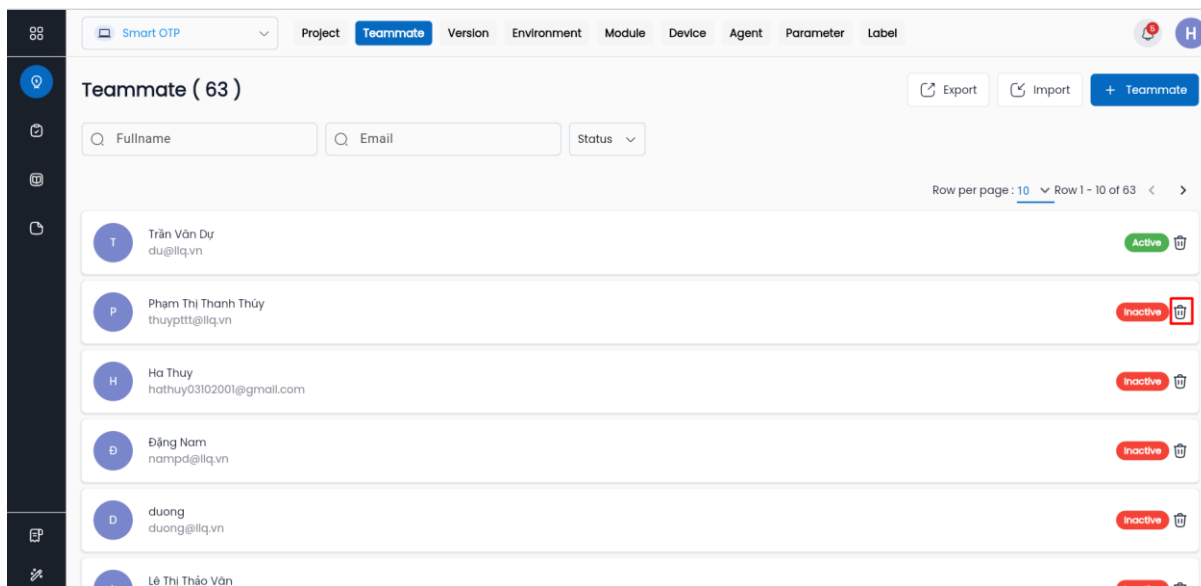
1.1.5.3 Xóa thành viên trong dự án

Lưu ý: Điều kiện để xóa 1 thành viên khỏi dự án là thành viên đó không có ràng buộc về dữ liệu – không sở hữu kịch bản kiểm thử nào trong dự án.

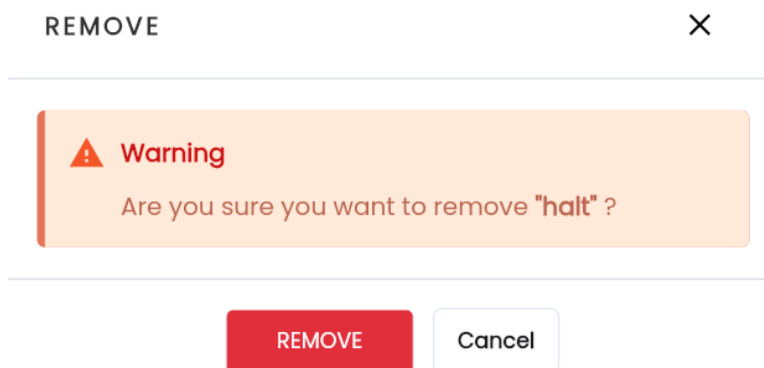
Để xóa 1 thành viên khỏi dự án trong **Centralize Automation Testing Suite**, thực hiện các bước như sau:

Trên màn hình tab **Teammate** hệ thống hiển thị danh sách các thành viên tham gia dự án.

Bước 1: Nhấn biểu tượng *Remove user* ở bên phải bản ghi thành viên



Bước 2: Hệ thống hiển thị popup xác nhận xóa, nhấn **Delete** để xóa thành viên khỏi dự án.



Hệ thống hiển thị thông báo “**Delete successful**”. Xóa thành viên khỏi dự án thành công.

1.1.6 Thiết bị (Device)

Trong kiểm thử tự động (Automation test), *device* là thuật ngữ dùng để chỉ thiết bị mà các kịch bản kiểm thử được thực thi trên đó. Thiết bị có thể là:

- Thiết bị thật (physical device)
- Thiết bị ảo (emulator/simulator)
- Máy tính (PC, laptop) hoặc thiết bị di động (mobile, tablet)

1.1.6.1 Tổng quan về quản lý thiết bị

Số lượng thiết bị được sử dụng trong mỗi dự án thường có hạn, nên trong mỗi dự án, người dùng sẽ cần chọn xem sẽ được sử dụng nhưng thiết bị nào để thêm vào dự án.

Lưu ý: Chỉ cần từng start thiết bị thành công trên agent, thì thiết bị sẽ được tự động thêm mới trong kho thiết bị quản lý trên tool

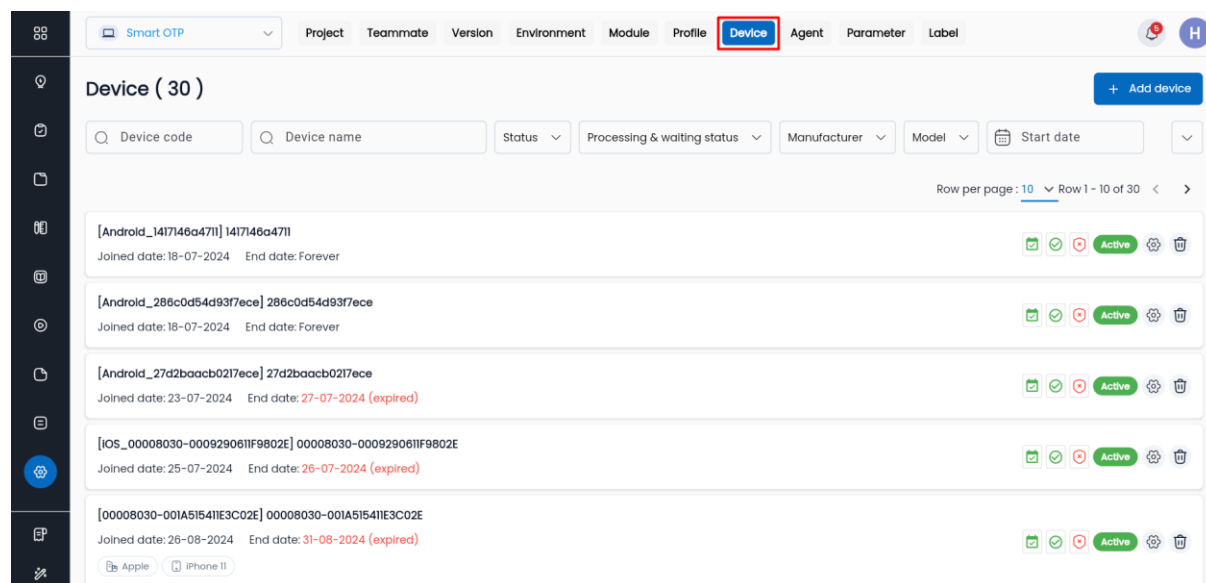
Phần này sẽ hướng dẫn người dùng cách quản lý thiết bị trên **Centralize Automation Testing Suite**:

- [Thêm thiết bị vào dự án](#)
- [Cập nhật thông tin sử dụng thiết bị trong dự án](#)
- [Xóa thiết bị khỏi dự án](#)
- [Khởi tạo tham số thiết bị \(Device variable\)](#)
- [Cấu hình giá trị cho tham số thiết bị](#)

1.1.6.2 Thêm thiết bị vào dự án

Để thêm thiết bị vào dự án, thực hiện như sau:

Bước 1: Trên màn hình chức năng **Setting**, nhấn chọn tab **Device**



Hệ thống hiển thị danh sách các thiết bị đã có trong dự án cùng thời gian sử dụng của thiết bị tương ứng.

Bước 2: Nhấn **Add device**, hệ thống hiển thị danh sách các thiết bị có trên hệ thống

Device (154)

X

Q Device code

Q Device name

Status ▾

Processing & waiting status ▾

▾

Private & Local Devices  4  1  0  0

List ViewCard View

Device Name	Type	Manufacturer	Model	Status
[00008030-001C0D19119A802E] 00008030-001C0D19119A802E	ios	Apple	iPhone 11	 Active
[00008020-000A08242EF1002E] 00008020-000A08242EF1002E	ios	Apple	iPhone11,6	 Active
[00008020-00192C840A29002E] IOS LLQ 3	ios	Apple	iPhone X	 Active
[00008020-0019603E0168002E] 00008020-0019603E0168002E	ios	Apple	iPhone X	 Active
[00008030-000130461EBA802E] (iphone đỏ 2) 00008030-000130461EBA802E	ios	Apple	iPhone 11	 Active
[00008030-000878890ED0402E] (iphone đỏ) 00008030-000878890ED0402E	ios	Apple	iPhone 11	 Active
[00008030-0012609A01D0402E] 00008030-0012609A01D0402E	ios	Apple	iPhone 11	 Active

Nhập mã hoặc tên của device muốn thêm vào project vào searchbox tương ứng

Device (5) ×

×

Status ▼

Processing & waiting status ▼

▼

Clear filters

Private & Local Devices 4 1 0 0

List View Card View

Device Name	Type	Manufacturer	Model	Status
[00008120-001241260A03C01E] 00008120-001241260A03C01E	iOS	Apple	iPhone15,3	Active
[12639a68] 12639a68	Android	OPPO	CPH2061	Active
[7a57ff82f2eb1d72caa380cb2e1267dda4436315] 7a57ff82f2eb1d72caa380cb2e1267dda4436315	iOS	Apple	iPhone 8 Plus	Active
[iOS_7a57ff82f2eb1d72caa380cb2e1267dda4436315] 5] 7a57ff82f2eb1d72caa380cb2e1267dda4436315	Mobile phone	Apple	iPhone 8 Plus	Active
[00008030-0012609A01D0402E] 00008030-0012609A01D0402E	iOS	Apple	iPhone 11	Active

Row per page : 10 ▼ Row 1 - 5 of 5 < >

Bước 3: Nhấn vào bản ghi thiết bị cần sử dụng, hệ thống hiển thị màn hình thông tin thiết bị

PROJECT DEVICE ×

Device

RFCR10HHYPB

Project

VCB Digibank

Assignee

▼

Start date

06-02-2025 ×

End date

Cancel

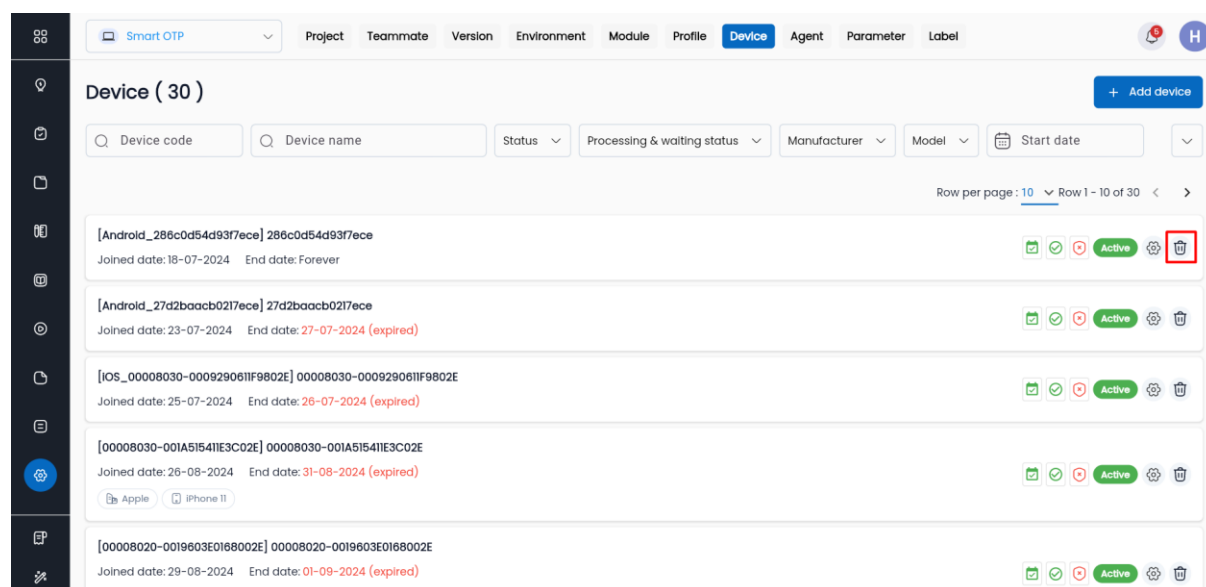
Save

Bước 4: Nhấn **Save**, hệ thống thông báo “**Create successful**”.

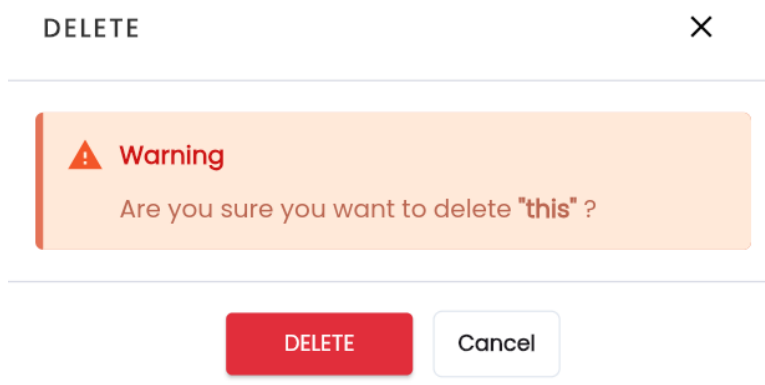
1.1.6.3 Xóa thiết bị

Để xóa 1 thiết bị khỏi dự án trong **Centralize Automation Testing Suite**, thực hiện các bước như sau:

Bước 1: Trên màn hình tab **Device**, tìm thiết bị cần xóa khỏi dự án, nhấn **Delete** ở phía bên phải bản ghi



Bước 2: Hệ thống hiển thị popup xác nhận xóa, nhấn **Delete** để xóa thiết bị khỏi dự án.

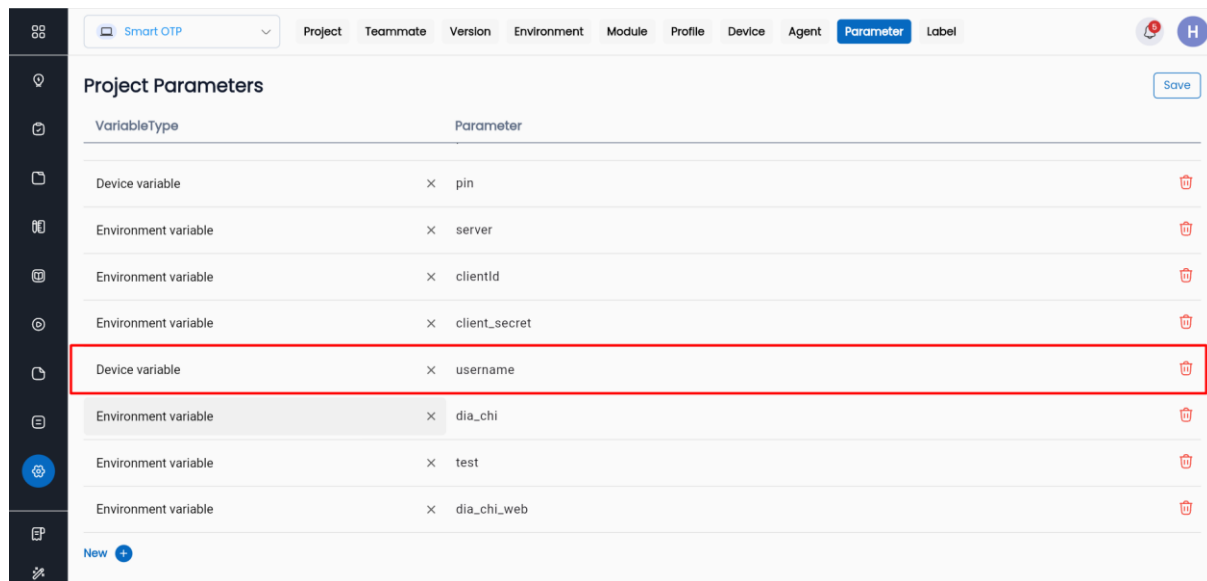


Hệ thống hiển thị thông báo “**Delete successful**”, xóa thiết bị khỏi dự án thành công

1.1.6.4 Khởi tạo tham số thiết bị

Các tham số thiết bị là các tham số hoạt động nhất quán trên các thiết bị thực thi kịch bản kiểm thử của phần mềm. Giá trị của tham số này tại mỗi thiết bị là cố định.

Ví dụ: *Username* và *password* tại mỗi thiết bị kiểm thử là không thay đổi. Có thể đặt *Username* và *Password* là tham số thiết bị.



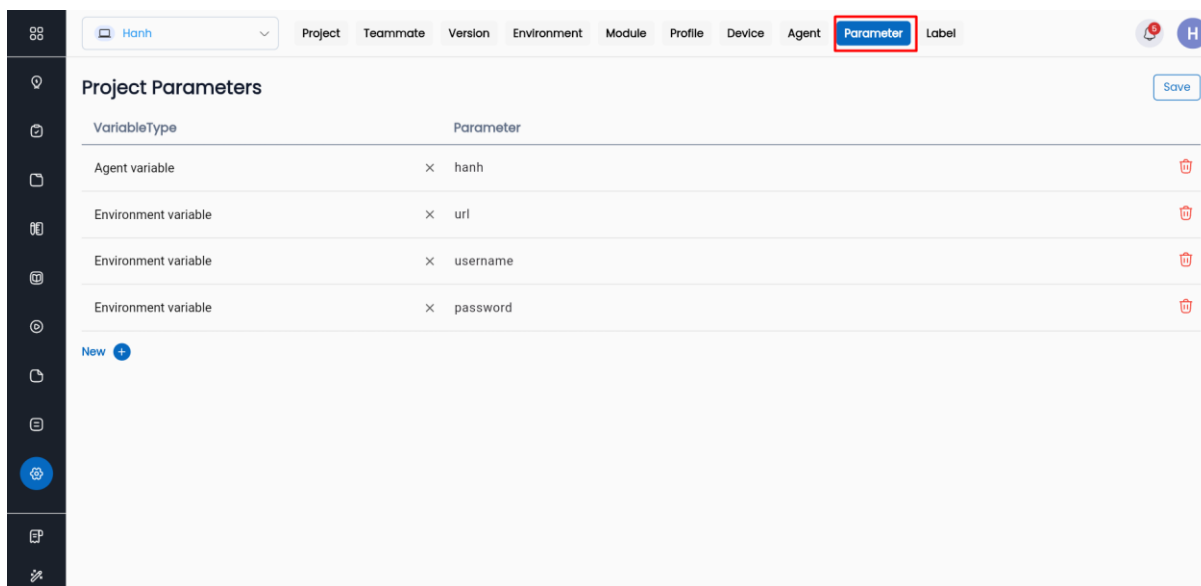
Tại sao lại cần có tham số thiết bị?

Cũng giống với tham số môi trường, sử dụng tham số thiết bị trong quá trình cấu hình Test Script sẽ giúp hạn chế việc phải thay đổi thông tin, giá trị của các tham số sẽ linh hoạt tùy theo thiết bị mà người dùng chọn trong quá trình thực thi kiểm thử.

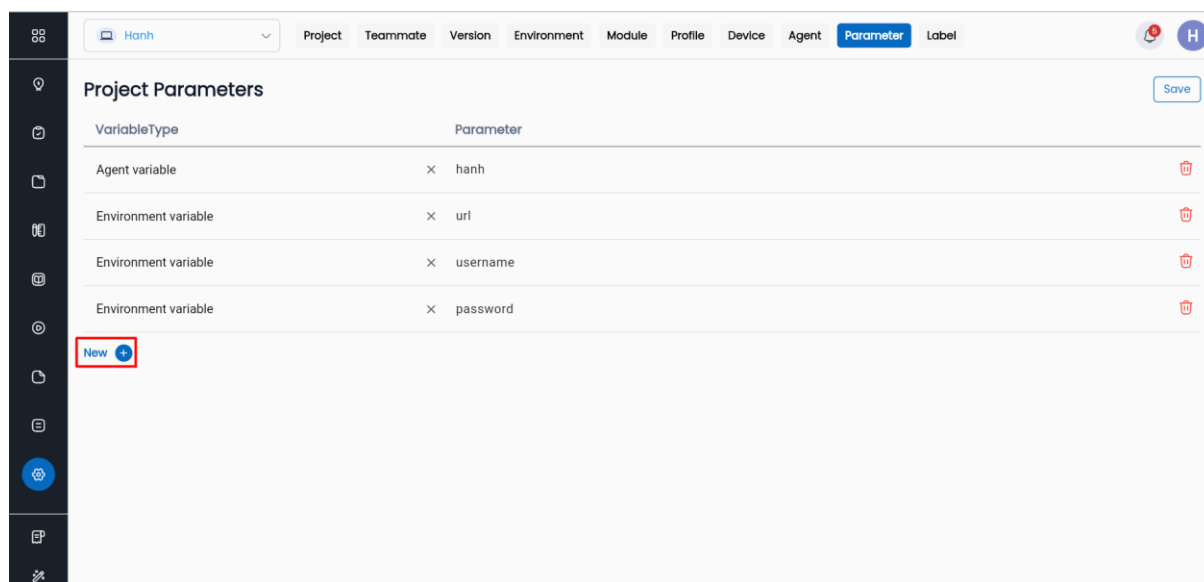
Để khởi tạo tham số thiết bị trong **Centralize Automation Testing Suite**, thực hiện như sau:

1.1.6.4.1 Tạo tham số từ tab Parameter

Bước 1: Trên màn hình chức năng **Setting** chọn tab **Parameter**



Bước 2: Nhấn **New parameter** để tạo thêm tham số. Không giới hạn số lượng tham số mỗi lần tạo.



Bước 3: Hệ thống hiển thị thông tin để cấu hình tham số

VariableType	Parameter		
Agent variable	×	hanh	
Environment variable	×	url	
Environment variable	×	username	
Environment variable	×	password	
Device variable	×	Enter a name	

New 

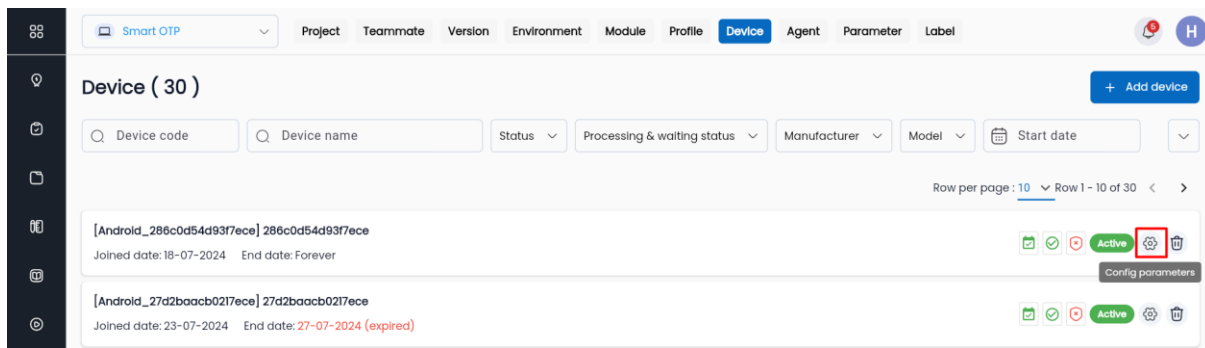
- Mô tả các trường thông tin

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
Variable Type	Có	Combobox		Chọn Device variable
Parameter	Có	Textbox	Parameter là duy nhất, bắt đầu bằng chữ cái, chỉ chứa các ký từ từ a-z viết thường, chữ số và “_”	Người dùng nhập tên của tham số phiên bản

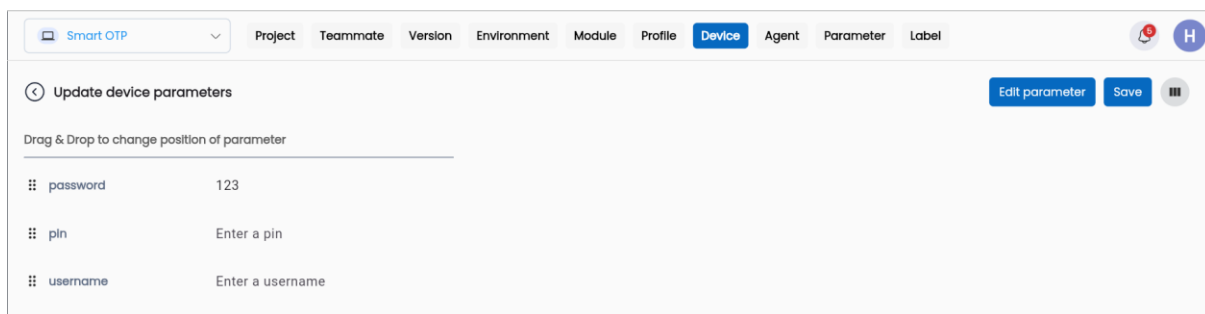
Bước 4: Sau khi nhập đúng và đủ thông tin, nhấn **Save** để lưu lại các tham số thiết bị vừa tạo. Hệ thống hiển thị thông báo **“Create successful”**.

1.1.6.4.2 Cấu hình giá trị tham số thiết bị

Bước 1: Trên màn hình tab **Device**, nhấn vào biểu tượng *Config parameter* ở bên phải bản ghi thiết bị cần cấu hình giá trị tham số.



Bước 2: Hệ thống hiển thị danh sách các tham số môi trường đã tạo trước đó. Người dùng nhập giá trị theo nhu cầu mong muốn.



Bước 2: Nhấn **Save**, hệ thống hiển thị thông báo “**Update successful**”.

1.1.7 Agent

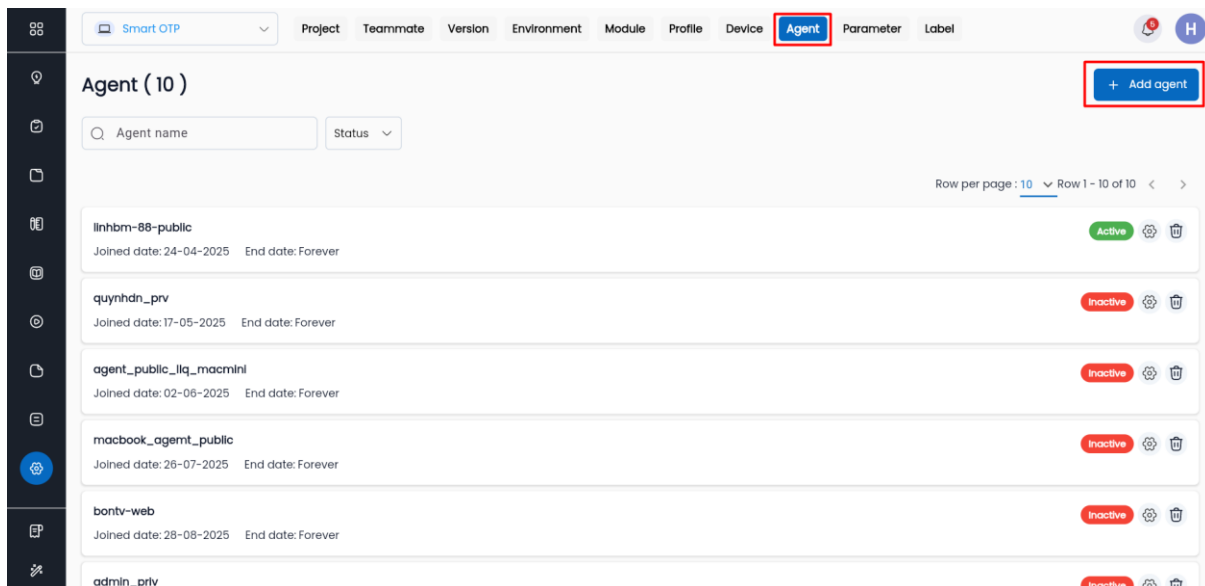
1.1.7.1 Tổng quan về Agent

Tham chiếu Agent là gì?

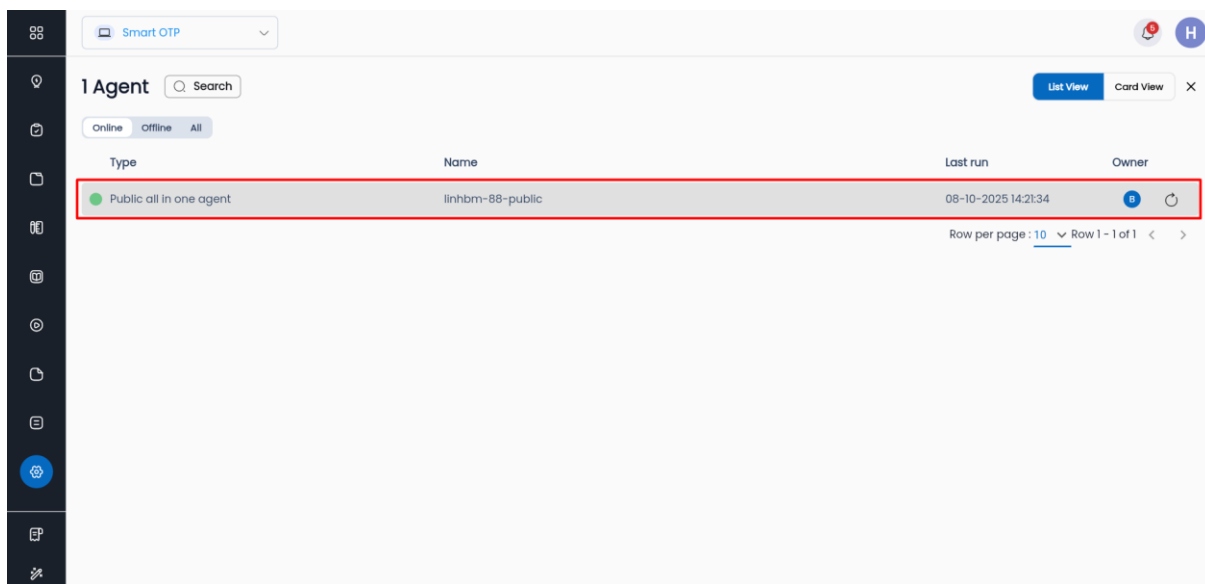
Trong quá trình config, sẽ có rất nhiều agent public được tạo ra để sử dụng cho nhiều mục đích và dự án khác nhau, tránh việc các test trong dự án sẽ gửi lệnh và chạy vào không đúng agent gây nên những lỗi đáng tiếc người dùng sẽ chọn trong số các agent đang public thì sẽ sử dụng những agent nào và thêm vào dự án

1.1.7.1.1 Thêm Agent vào dự án

Bước 1: Trên màn hình Setting của dự án, chọn tab **Agent**, sau đó nhấn **Add agent**



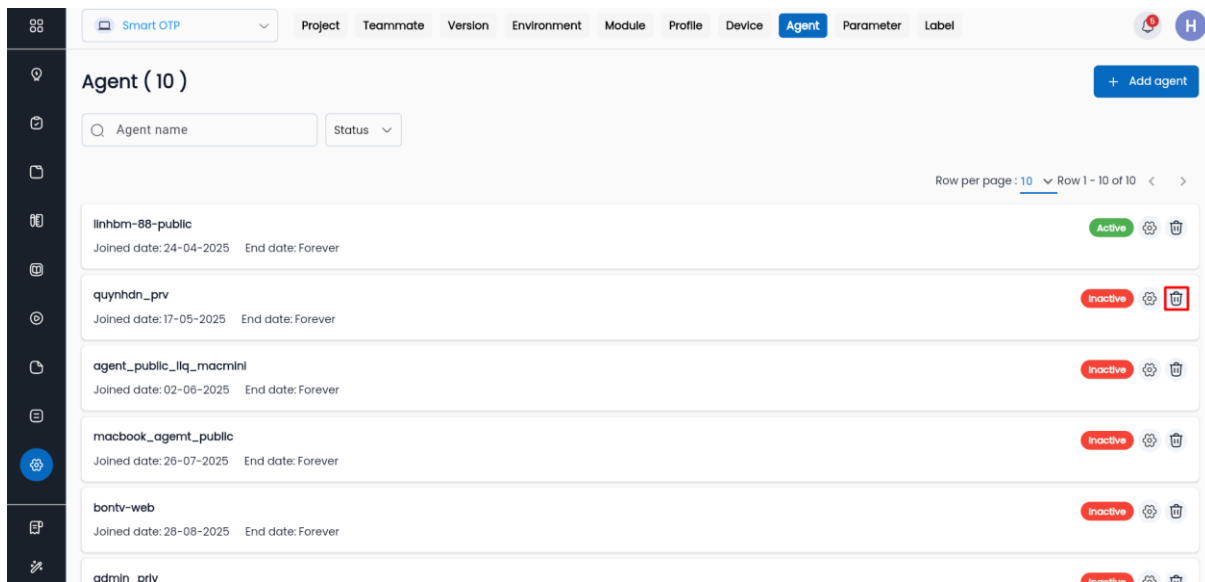
Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình danh sách các Agent có dạng **Public** và có trạng thái là **Online**



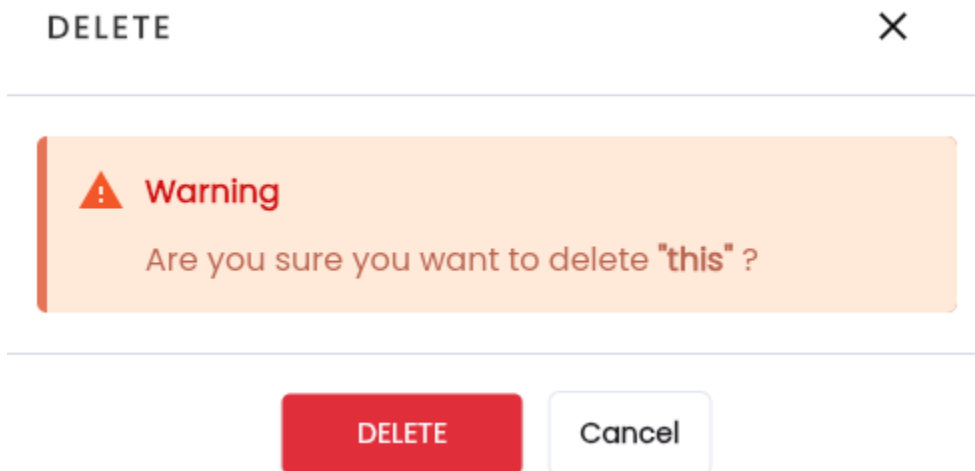
Thực hiện chọn Agent mong muốn và nhấn **Save**. Hệ thống hiển thị thông báo thành công.

1.1.7.1.2 Xóa Agent

Bước 1: Người dùng nhấn biểu tượng Delete ở phía bên phải bản ghi Agent cần xóa



Bước 2: Hệ thống hiển thị pop up xác nhận xóa, nhấn **Delete**



Hệ thống hiển thị thông báo thành công. Agent được xóa khỏi dự án.

1.1.8 Tham số (Parameter)

1.1.8.1 Tổng quan về quản lý các loại tham số trong dự án

Tham số trong dự án là các biến được định nghĩa và sử dụng chung trong toàn bộ dự án kiểm thử. Việc quản lý tập trung giúp cấu hình linh hoạt và giảm thiểu sai sót trong quá trình thực thi. Các loại tham số chính trong một dự án gồm có:

+ Tham số môi trường (Environment variable)

+ Tham số phiên bản (Version variable)

+ Tham số Agent (Agent variable)

+ Tham số thiết bị (Device variable)

Phần này hướng dẫn người dùng cách quản lý danh sách tham số dự án trong **Centralize Automation Testing Suite**:

- [Tạo mới tham số](#)
- [Xem và chỉnh sửa tham số](#)
- [Xóa tham số](#)

1.1.8.2 Tạo mới tham số dự án

Chi tiết cách tạo mới từng loại tham số:

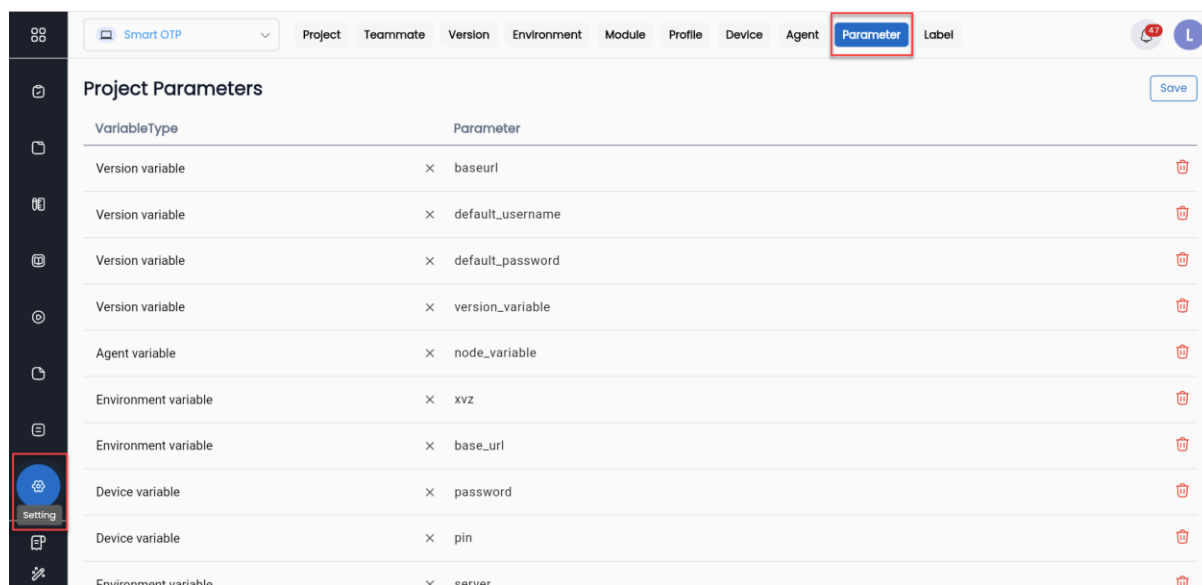
+ [Cách tạo mới tham số môi trường](#)

+ [Cách tạo mới tham số phiên bản](#)

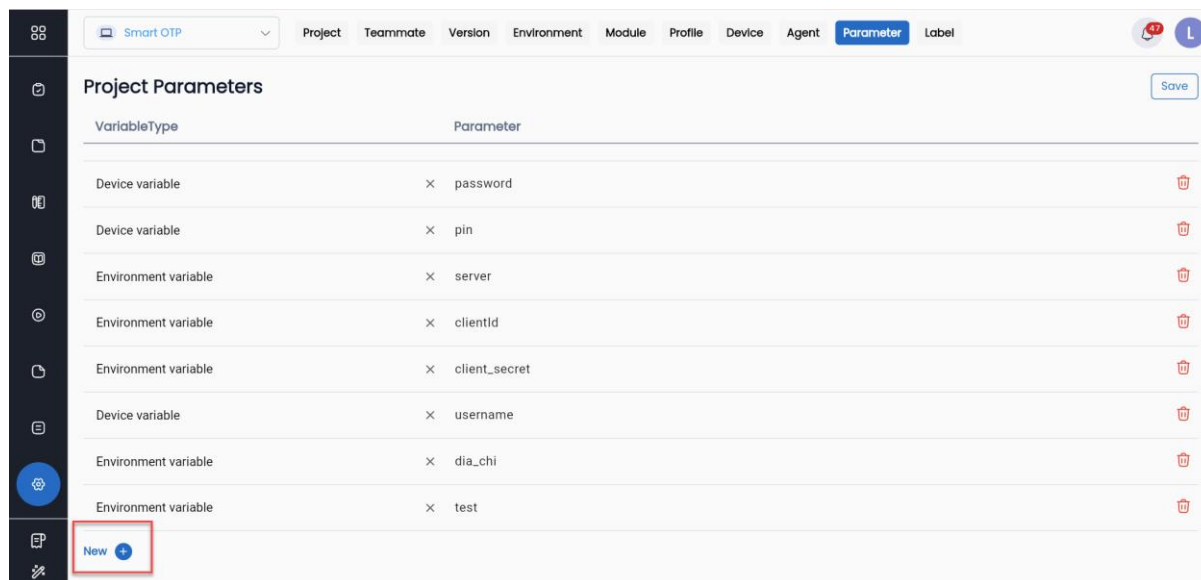
+ [Cách tạo mới tham số thiết bị](#)

Để cấu hình các tham số dự án trong **Centralize Automation Testing Suite**, hãy làm như sau:

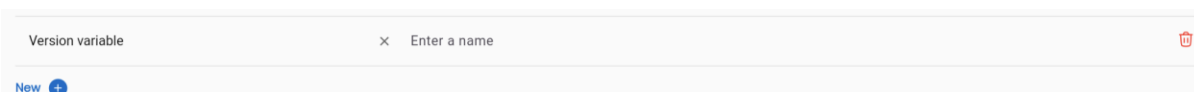
Bước 1: Trên màn hình **Setting**, nhấn chọn Tab **Parameter**



Bước 2: Nhấn **New parameter** để tạo thêm tham số. Không giới hạn số lượng tham số mỗi lần tạo.



Bước 3: Hệ thống hiển thị thông tin để cấu hình tham số



- Mô tả các trường thông tin

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
Variable Type	Có	Combobox		Là loại tham số được tạo, giá trị lựa chọn bao gồm: + Environment variable + Version variable + Agent variable + Device variable Có thể chọn 01 giá trị cho mỗi tham số
Parameter	Có	Textbox	Parameter là duy nhất, bắt đầu bằng chữ	Người dùng nhập tên của tham số.

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
			cái, chỉ chứa các ký từ từ a-z viết thường, chữ số và “ _ ”	

Bước 4: Sau khi nhập đúng và đủ thông tin, nhấn **Save** để lưu lại các tham số dự án vừa tạo. Hệ thống hiển thị thông báo “**Create successful**”

1.1.8.3 Xem và chỉnh sửa tham số

Để xem và chỉnh sửa các tham số dự án trong **Centralize Automation Testing Suite**, hãy làm như sau:

Bước 1: Trên màn hình tab **PARAMETER** chọn một tham số bất kỳ người dùng muốn chỉnh sửa. Chỉnh sửa thông tin tham số theo yêu cầu người dùng

Project Parameters			
VariableType	Parameter		
Agent variable	× hanh		
Environment variable	× url		
Environment variable	× username		
Environment variable	× password		
New 			

- Mô tả các trường thông tin hiển thị

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
Variable Type	Có	Combobox		Là loại tham số được tạo, giá trị lựa chọn bao gồm: + Environment variable + Version variable + Agent variable + Device variable

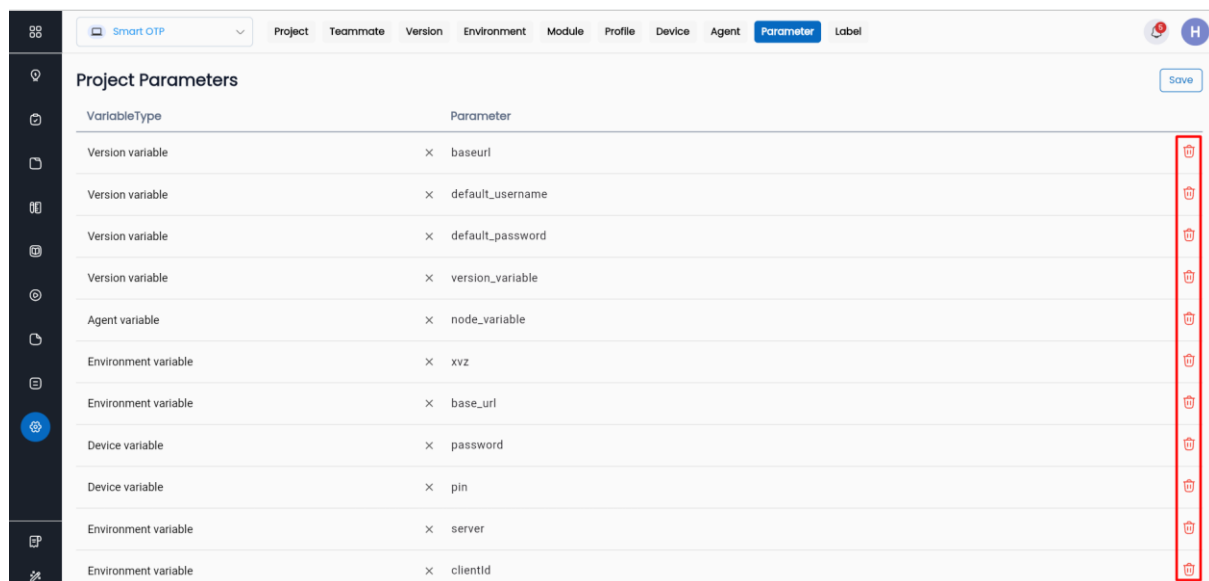
Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
				Có thể chọn 01 giá trị cho mỗi tham số
Parameter	Có	Textbox	Parameter là duy nhất, bắt đầu bằng chữ cái, chỉ chứa các ký tự từ a-z viết thường, chữ số và “_”	Người dùng nhập tên của tham số.

Bước 2: Sau khi chỉnh sửa thông tin, click **SAVE** để lưu lại các thông tin vừa chỉnh sửa. Hệ thống hiển thị thông báo “**Update successful**”

1.1.8.4 Xóa tham số

Để xóa các tham số dự án trong Centralize Automation Testing Suite, hãy làm như sau:

Bước 1: Trên màn hình tab **PARAMETER** chọn một tham số cần xóa, click vào icon “xóa” ở bên phải tham số.



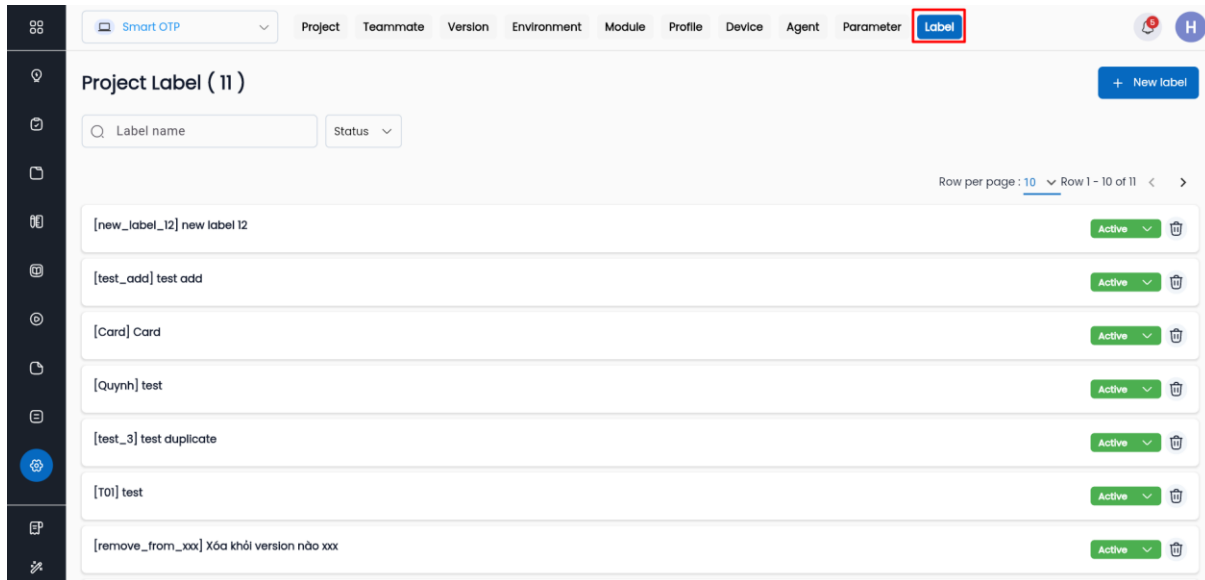
Bước 2: Nhấn **Save**, hệ thống hiển thị thông báo “**Update successful**”

1.1.9 Label

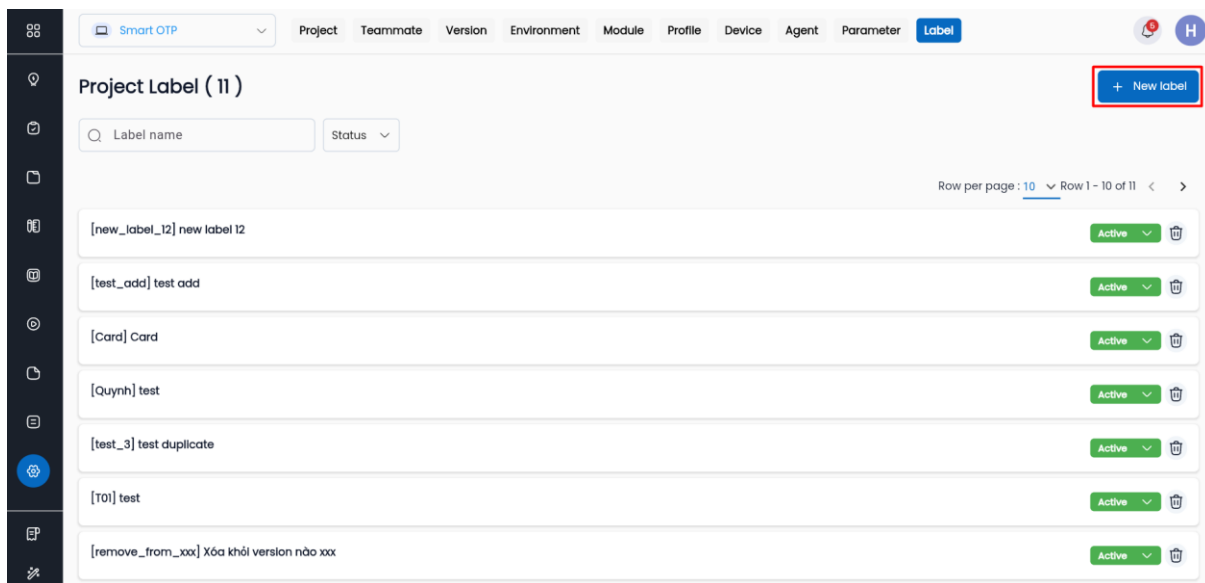
Label được sử dụng để đánh dấu một kịch bản kiểm thử theo một tiêu chí nào đó mà không được thể hiện qua tên của kịch bản kiểm thử

Tạo mới **Label**

Bước 1: Trên màn hình chức năng **Setting**, nhấn chọn tab **Label**



Bước 2: Nhấn **New Label**,



Hệ thống hiển thị màn hình **CREATE LABEL**

CREATE LABEL

×

Code

Name

Status

Active

×

Description

Cancel

Save

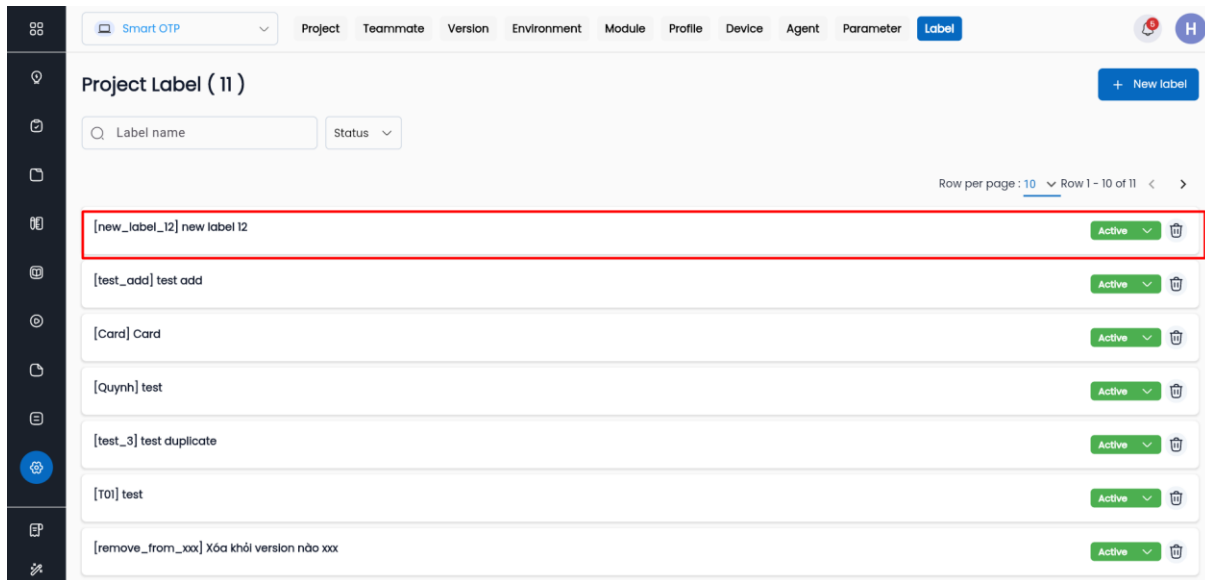
Bước 3: Nhập thông tin đầy đủ và hợp lệ cho label.

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
Code	Có	Textbox		Mã số của label
Name	Có	Textbox		Tên của label
Status	Có	Combobox		Trạng thái của label, bao gồm: -Active: Label có thể sử dụng -Inactive: Label không thể sử dụng Người dùng chọn một giá trị
Description		Textbox		Mô tả label

Bước 4: Nhấn **Save**, hệ thống hiển thị thông báo “**Create successful**”.

1.1.9.1 Edit label

Bước 1: Trên màn hình tab **LABEL**, chọn *label* muốn chỉnh sửa:



Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình **EDIT LABEL**, thực hiện nhập thông tin mới của label:

EDIT LABEL

Code

Negative

Name

Negative

Status

Active

Description

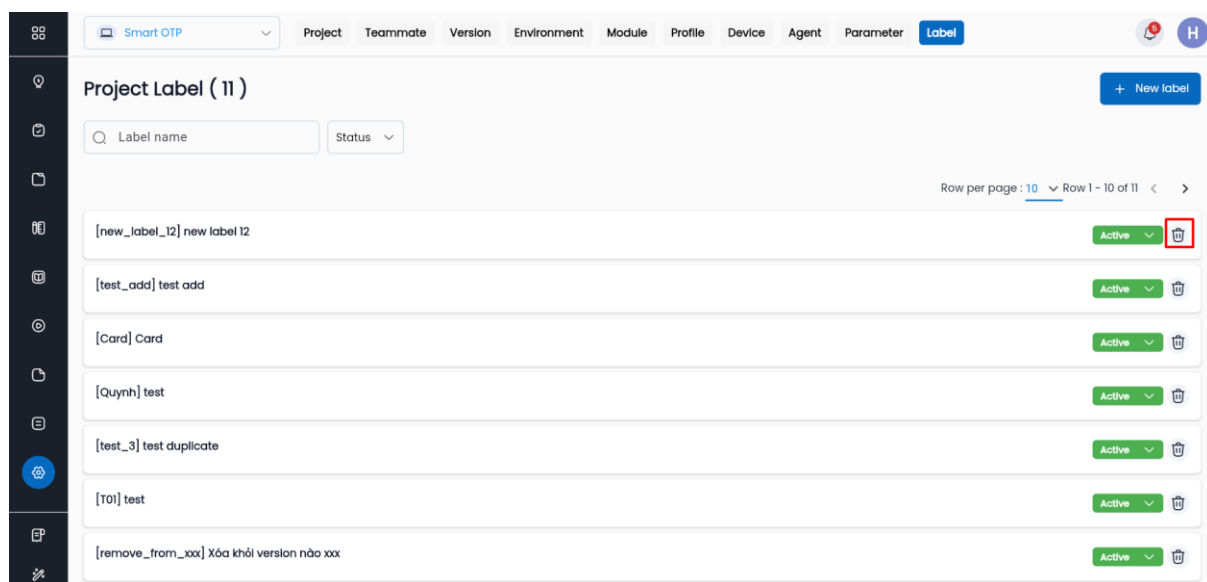
Cancel

Save

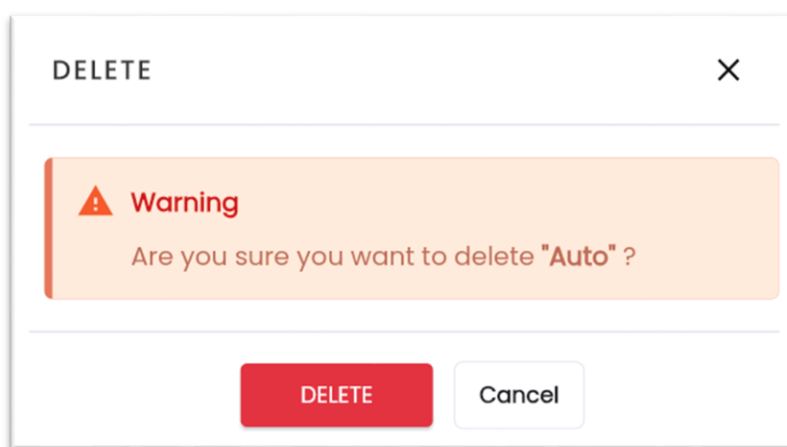
Bước 3: Nhấn **Save**, hệ thống hiển thị thông báo “***Update successful***”, chỉnh sửa label thành công.

1.1.9.2 Xóa label

Bước 1: Trên màn hình chức năng Label, nhấn chọn biểu tượng “**Delete**” phía bên phải bản ghi label cần xóa



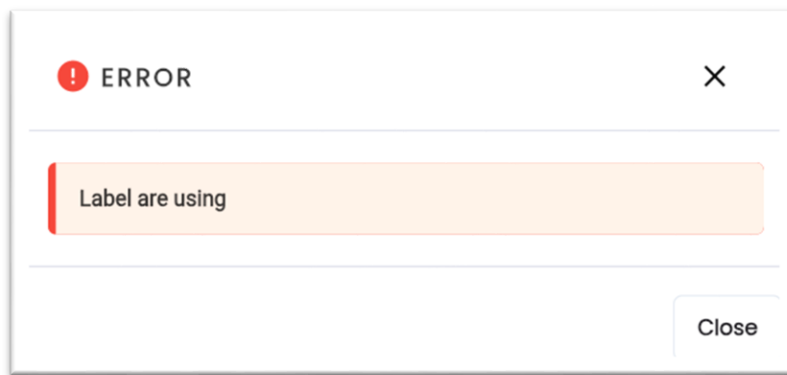
Bước 2: Nhấn chọn “Delete” khi hệ thống hiển thị popup xác nhận xóa:



Hệ thống thông báo “Delete successful”, xóa label thành công.

Lưu ý: Label đã được sử dụng (gắn vào một kịch bản kiểm thử bất kỳ) thì không thể xóa.

Khi thực hiện xóa **label** đang được sử dụng, hệ thống hiển thị thông báo “Label are using”



1.2 Xem và Chỉnh sửa thông tin dự án

Phần này hướng dẫn người dùng xem và chỉnh sửa thông tin của dự án trong **Centralize Automation Testing Suite**:

Bước 1: Trên màn hình chức năng **Setting**, chọn tab **Project**, hệ thống hiển thị màn hình **Edit project** bao gồm các thông tin của dự án:

The screenshot shows the 'Edit Project' interface. At the top, there's a navigation bar with tabs: Smart OTP, Project (selected), Teammate, Version, Environment, Module, Profile, Device, Agent, Parameter, and Label. The main form has the following fields:

- Project type: Angular
- Code: smart_otp
- Name: Smart OTP
- Description: Ứng dụng
- Auto create profile: false
- Status: Active
- Start date: 17-03-2023
- End date: (empty)
- Bug tracker type: None

A 'Save' button is located at the bottom right of the form.

Bước 2: Thực hiện xem và chỉnh sửa thông tin dự án theo yêu cầu của người dùng.
[Mô tả các trường thông tin chỉnh sửa của dự án.](#)

Bước 3: Nhấn **Save**. Hệ thống hiển thị thông báo “**Update successful**”. Lưu dự án thành công.

Lưu ý: Trường **Code** không cho phép chỉnh sửa.